# 

**Báo cáo**

**Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng**

**biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

**Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau**

**MỤC LỤC**

[A. Giới thiệu chung 4](#_Toc530640463)

[1. Vị trí địa lý 5](#_Toc530640464)

[2. Đặc điểm địa hình 5](#_Toc530640465)

[3. Đặc điểm thời tiết khí hậu 5](#_Toc530640466)

[4. Phân bố dân cư, dân số 6](#_Toc530640467)

[5. Hiện trạng sử dụng đất đai 7](#_Toc530640468)

[6. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế 8](#_Toc530640469)

[B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã 9](#_Toc530640470)

[1. Lịch sử thiên tai 9](#_Toc530640471)

[2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH 11](#_Toc530640472)

[3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH 12](#_Toc530640473)

[4. Đối tượng dễ bị tổn thương 12](#_Toc530640474)

[5. Hạ tầng công cộng 13](#_Toc530640475)

[a) Điện 13](#_Toc530640476)

[b) Đường và cầu cống 13](#_Toc530640477)

[c) Trường 14](#_Toc530640478)

[d) Cơ sở Y tế 14](#_Toc530640479)

[e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa 14](#_Toc530640480)

[f) Chợ 15](#_Toc530640481)

[6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè) : không có 15](#_Toc530640482)

[7. Nhà ở 16](#_Toc530640483)

[8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 17](#_Toc530640484)

[9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến 18](#_Toc530640485)

[10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý 18](#_Toc530640486)

[11. Hoạt động sản xuất kinh doanh 20](#_Toc530640487)

[12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 20](#_Toc530640488)

[13. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 21](#_Toc530640489)

[14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác :Không có 22](#_Toc530640490)

[15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ) 23](#_Toc530640491)

[C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã 27](#_Toc530640492)

[1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng 27](#_Toc530640493)

[2. Hạ tầng công cộng 32](#_Toc530640494)

[3. Công trình thủy lợi 33](#_Toc530640495)

[4. Nhà ở 34](#_Toc530640496)

[5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 50](#_Toc530640497)

[6. Y tế và quản lý dịch bệnh 53](#_Toc530640498)

[7. Giáo dục 54](#_Toc530640499)

[8. Rừng 56](#_Toc530640500)

[9. Trồng trọt 70](#_Toc530640501)

[10. Chăn nuôi 71](#_Toc530640502)

[11. Thủy Sản 72](#_Toc530640503)

[12. Du lịch : Không có 73](#_Toc530640504)

[13. Buôn bán và dịch vụ khác 74](#_Toc530640505)

[14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 75](#_Toc530640506)

[15. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 76](#_Toc530640507)

[16. Giới trong PCTT và BĐKH 78](#_Toc530640508)

[17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác: Không có 112](#_Toc530640509)

[D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp 112](#_Toc530640510)

[- Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH 112](#_Toc530640511)

[2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH 123](#_Toc530640512)

[3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã 141](#_Toc530640513)

[4. Một số ý kiến kết luận của đại diện HĐND xã: 141](#_Toc530640514)

[E. Phụ lục 141](#_Toc530640515)

[1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá 141](#_Toc530640516)

[2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn 142](#_Toc530640517)

[3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá 149](#_Toc530640518)

# **Giới thiệu chung**

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đối khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

Xã Viên An được thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khi hậu từ ngày 14 – 17/10/2018 trên cơ sở thực hiện hoạt động tập huấn về Quản lý rủi ro thiên tai/biến đổi khí hậi dựa vào cộng đồng cho Nhóm hễ trợ kỹ thuật của xã, với kết quả các thông tin được thu thập và tổng hợp như sau:

**Lịch sử hình thành:**

* **Xã Viên An thuộc huyện Năm Căn cũ đến ngày 17 tháng 12 năm 1984**
* Quyết định 275-CP ngày 25 tháng 07 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ điều chỉnh địa giới một số xã của huyện Năm Căn thuộc tỉnh Minh Hải, chia xã Viên An thành ba xã lấy tên là xã Duyên An Đông, xã Duyên An Tây (Viên An) và xã Đất Mũi.
* Quyết định 75-HĐBT ngày 17 tháng 5 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng, xã Viên An thuộc huyện Năm Căn cũ, tỉnh Minh Hải.
* Quyết định 168-HĐBT ngày 17 tháng 12 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng, xã Viên An trực thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải.
* **Xã Viên An thuộc huyện Ngọc Hiển mới từ ngày 17 tháng 12 năm 1984 đến nay.**
* Nghị quyết ngày 06 tháng 11 năm 1996 của Quốc hội, chia tỉnh Minh Hải thành hai tỉnh là tỉnh [Bạc Liêu](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A1c_Li%C3%AAu) và tỉnh Cà Mau. Khi đó, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển thuộc tỉnh Cà Mau.
* Nghị định 138/2003/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về việc thành lập huyện Năm Căn trên cơ sở của huyện Ngọc Hiển, xã Viên An thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.
* Nghị định 138/2003/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về việc thành lập huyện Năm Căn trên cơ sở của huyện Ngọc Hiển, xã Viên An thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Xã Viên An là xã bãi ngang ven biển của huyện Ngọc Hiển, có đường bờ biển dài 12 km, địa hình chia cắt bởi các sông, kênh rạch, giao thông đi lại còn gặp khó khăn, trên địa bàn xã có 03 cửa sông thông ra biển (sông Cửa Lớn, Ông Linh và Kinh Năm), thu nhập bình quân của người dân còn thấp, một bộ phận đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu sống bằng nghề nuôi trồng thủy sản và khai thác thủy sản ven sông.

## **Vị trí địa lý**

Viên An nằm cách trung tâm huyện Ngọc Hiển 35 km về hướng Đông Bắc; phía Đông giáp Biển Đông, Phía Tây giáp xã Lâm Hải, phía Nam giáp xã Đất Mũi; phía Bắc giáp xã Viên An Đông. Trên địa bàn xã có sông cửa lớn, Kinh Năm thông suốt ra biển là điều kiện thuận lợi để tàu thuyền ra vào đánh bắt vào neo đậu.

## **Đặc điểm địa hình**

Xã Viên An có địa hình chủ yếu là kênh rạch chằng chịt, giao thông thủy là chủ yếu. Xã này nằm ở khu vực có nhiều rừng đước và sú vẹt. Đặc điểm địa bàn của xã: là xã ven biển, thổ nhưỡng chủ yếu là đất rừng ngập mặn kết hợp nuôi trồng thủy sản, trồng màu và trồng cây lâu năm.

Các ấp ven biển dễ bị chia cắt và chịu ảnh hưởng nhiều do thiên tai: Cồn Cát, Kinh Năm, Trại Xẻo, Ông Linh, So Đũa, Ông Bọng.

Điều kiện khí hậu: Nhiệt độ trung bình 280C; Nhiệt độ cao nhất 28-320C; Nhiệt độ thấp nhất 24-250C; Lương mưa trung bình 1.000 – 1.200mm

Thuộc lưu vực sông: Cửa Lớn, Kinh Năm, Ông Linh nước dâng xảy ra từ tháng 9 đến tháng 11 hàng năm

## **Đặc điểm thời tiết khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **TT** | **Chỉ số về thời tiết khí hậu** | **ĐVT** | **Giá trị** | **Tháng xảy ra** | **Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (\*)** |
| *1* | *Nhiệt độ trung bình* | *Độ C* | 26.6 – 27.7o C |  | *Tăng 1,8oC (giá trị dao động 1.3 – 2.5*o C) |
| *2* | *Nhiệt độ cao nhất* | *Độ C* | 28.6o C | Tháng 4 – tháng 5 | *Tăng thêm khoảng 1,4-2,8oC*  *Hình trang 5.5, trang 51 – Kịch bản BĐKH* |
| *3* | *Nhiệt độ thấp nhất* | *Độ C* | 25.6o C | Tháng 1 | *Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8oC*  *(hình 5.7 a. Trang 52 – Kịch bản BĐKH)* |
| *4* | *Lượng mưa Trung binh* | *mm* | 100 – 400 mm | Tháng 10 - 11 | *Tăng thêm khoảng 10.8% (dao động khoảng 6% - 16.2%mm) (Bảng 5.2, trang 55)*  *Tăng thêm khoảng 20-40mm/đợt*  *(Hình 5.14a, trang 59)* |
| *(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật* | | | | | |

**Xu hướng thiên tai, khí hậu**

| **TT** | **Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương** | **Giảm** | **Giữ nguyên** | **Tăng lên** | **Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (\*)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *1* | *Xu hướng hạn hán* |  |  | *X* | *Từ tháng 6 - 8* |
| *2* | *Xu hướng bão* |  |  | *X* | *15 – 16 cơn bão/năm* |
| *3* | *Xu hướng lũ* |  |  | *X* | *Từ tháng 9 – tháng 11* |
| *4* | *Số ngày rét đậm* |  | *X* |  | Tháng 12 đến tháng 1 năm tới |
| *5* | *Mực nước biển tại các trạm hải văn* |  |  | *X* | *Tăng 25cm*  *(dao động trong khoảng 17 – 35 cm tại các trạm từ Mũi Cà Mau – Kiên Giang (Bảng 6.7, trang 69 – RCP 8.5)* |
|  | *Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão* |  |  | *X* | *Từ tháng 8 đến tháng 11*  *Cá Mau có 3 mặt tiếp giáp biển (Đ,T,N) khoảng 57.7% diện tích tỉnh Cà Mau có nguy cơ bi6 ngập, torng đó huyện Trần Văn Thời (90.02 % diện tích), huyện Cái Nước (87.62% diện tích bị ngập (Bảng B11, kịch bản nước dâng 100cm cuối thế kỷ trang 134)* |
|  | *Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)* |  |  | X |  |
| *(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật* | | | | | |

## **Phân bố dân cư, dân số**

| **TT** | **Ấp** | **Số hộ** | **Số hộ phụ nữ làm chủ hộ** | **Số khẩu** | | | **Hộ nghèo** | **Hộ cận nghèo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổng | Nữ | Nam |  |
| *1* | Ông Trang | 518 | 72 | 2253 | 1093 | 1160 | 40 | 28 |
| *2* | Ông Trang A | 184 | 17 | 677 | 355 | 322 | 16 | 3 |
| 3 | Tắc Gốc | 86 | 6 | 372 | 273 | 99 | 6 | 7 |
| 4 | Vịnh Nước Sôi | 146 | 12 | 565 | 287 | 278 | 20 | 0 |
| 5 | Vịnh Nước Sôi A | 96 | 7 | 465 | 219 | 246 | 10 | 6 |
| 6 | Xóm Biển | 197 | 29 | 890 | 372 | 518 | 50 | 4 |
| 7 | Xẻo Bè | 95 | 3 | 395 | 175 | 220 | 22 | 6 |
| 8 | So Đũa | 193 | 16 | 914 | 425 | 489 | 18 | 16 |
| 9 | Ông Bọng | 85 | 4 | 536 | 219 | 317 | 8 | 4 |
| 10 | Nguyễn Quyền | 161 | 15 | 666 | 323 | 343 | 8 | 10 |
| 11 | Bà Khuê | 190 | 21 | 749 | 321 | 428 | 10 | 5 |
| 12 | Cây Me | 216 | 24 | 976 | 385 | 591 | 7 | 17 |
| 13 | Trại Xẻo | 85 | 4 | 427 | 202 | 225 | 9 | 0 |
| 14 | Cồn Cát | 168 | 9 | 516 | 227 | 289 | 30 | 0 |
| 15 | Xẻo Mấm | 105 | 5 | 496 | 257 | 239 | 20 | 3 |
| 16 | Sắc Cò | 156 | 11 | 822 | 403 | 419 | 13 | 5 |
| 17 | Ông Linh | 229 | 25 | 931 | 444 | 487 | 18 | 14 |
| 18 | Kinh Năm | 116 | 16 | 469 | 157 | 312 | 25 | 5 |
| **Tổng số** | | **3.026** | **296** | **13.119** | **6.137** | **6.137** | **6.982** | **133** |

## **Hiện trạng sử dụng đất đai**

| **TT** | **Loại đất (ha)** | **Số lượng (ha)** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Tổng diện tích đất tự nhiên** | 12.163,77 |
| **1** | **Nhóm đất Nông nghiệp** | 9039.98 |
| **1.1** | **Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp** | 9039.98 |
| *1.1.1* | *Đất lúa nước* | 0 |
| *1.1.2* | *Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía…)* | 0 |
| *1.1.3* | *Đất trồng cây lâu năm* | 407.02 |
| **1.2** | **Diện tích Đất lâm nghiệp** | 5.570.8 |
| *1.2.1* | *Đất rừng sản xuất* | 2.750.63 |
| *1.2.2* | *Đất rừng phòng hộ* | 591,75 |
| *1.2.3* | *Đất rừng đặc dụng* | 2.228,50 |
| **1.3** | **Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản** | 3.062,46 |
| **1.3.1** | *Diện tích thủy sản nước ngọt* | 0 |
| **1.3.2** | *Diện tích thủy sản nước mặn/lợ* | 3.062,46 |
| **1.4** | **Đất làm muối** | 0 |
| **1.5** | **Diện tích Đất nông nghiệp khác**  *(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)* | 0 |
| **2** | **Nhóm đất phi nông nghiệp** | 2.482,52 |
| **3** | **Diện tích Đất chưa Sử dụng** | 54,6 |
|  | **Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng**   * Đất nông nghiệp * Đất ở | 30% |

## **Đặc điểm và cơ cấu kinh tế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình sản xuất** | **Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)** | **Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)** | **Năng suất lao động bình quân/hộ** | **Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính** |
| *1* | *Trồng trọt* |  |  | *(ha)* |  |
| *2* | *Chăn nuôi* |  |  |  |  |
| *3* | *Nuôi trồng thủy sản* | 58,72 | 2.018 | *(ha)* | *45%* |
| *4* | *Đánh bắt hải sản* | 21,28 | 317 | *(tấn)* | *8%* |
| *5* | *Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)* | 17,32 | 25 | *(triệu VND/năm)* | *65%* |
| *6* | *Buôn bán* | 2,68 | 43 | *(triệu VND/năm)* | *80%* |
| *7* | *Du lịch* | 0 | 0 | *(triệu VND/năm)* | *0* |
| *8* | *Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v* |  | 623 | *(triệu VND/năm)* | *40%* |

# **Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã**

## **Lịch sử thiên tai**

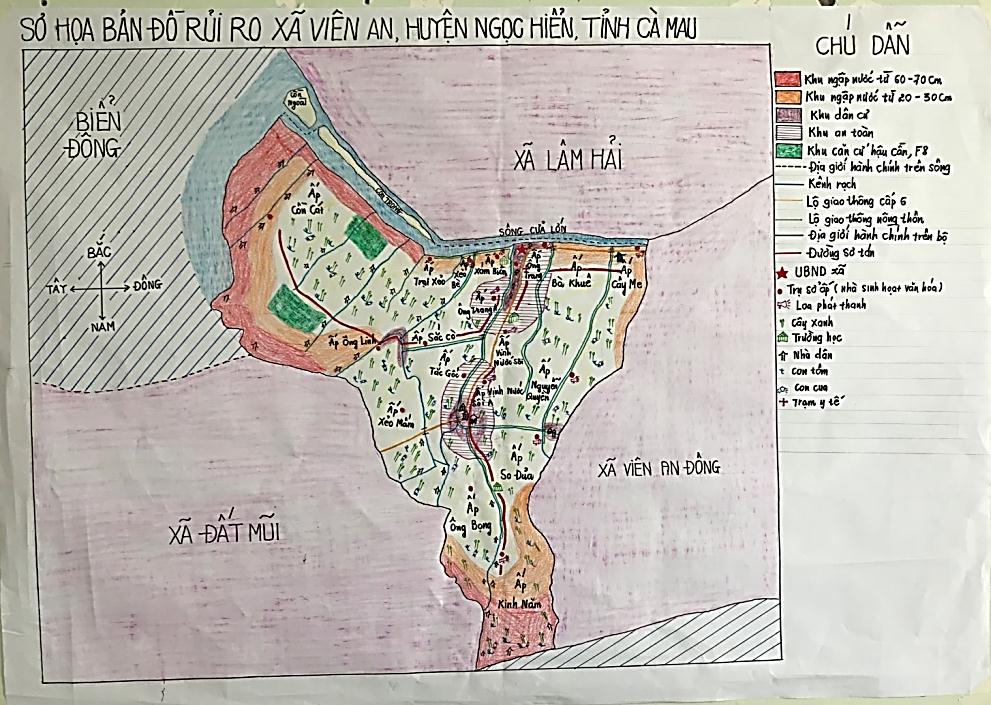
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/năm xảy ra** | **Loại thiên tai** | **Số thôn bị ảnh hưởng** | **Tên thôn** | **Thiệt hại chính** | | **Số lượng** | | | | |
| 3/10/1997 | **Bão** | 18 (toàn xã) | **Toàn xã** | Số người chết/mất tích: | | Nam | | Nữ | |
| Số người bị thương: | |  | |  | |
| Số nhà bị thiệt hại: | |  | |  | |
| Số trường học bị thiệt hại: | | 4 | | | |
| Số trạm y tế bị thiệt hại: | | 1 | | | |
| Số km đường bị thiệt hại: | |  | | | |
| Số ha rừng bị thiệt hại: | |  | | | |
| Số ha ruộng bị thiệt hại: | | 0 | | | |
| Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | |  | | | |
| Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | |  | | | |
| Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | |  | | | |
| Các thiệt hại khác…: | |  | | | |
| Ước tính thiệt hại kinh tế: | |  | | | |
| ***Ghi chú khác:*** *Không còn thông tin lưu trử tại xã* | | | | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | | | |
| **Tháng/năm xảy ra** | **Loại thiên tai** | **Số thôn bị ảnh hưởng** | **Tên thôn** | | **Thiệt hại chính** | | **Số lượng** | | | | |
| Năm 2015,2016,2017, 2018 | Lốc xoáy | 8 ấp | Ông Linh, Ông Trang, Kinh Năm,  Bà Khuê,  Cây Me,  Trại Xẻo,  Tắc Gốc,  Ông Bọng | | Số người chết/mất tích: | | Nam | | Nữ | | |
| Số người bị thương: | | 0 | | 0 | | |
| Số nhà bị thiệt hại: | | 29 | | | | |
| Số trường học bị thiệt hại: | | 0 | | | | |
| Số trạm y tế bị thiệt hại: | | 0 | | | | |
| Số km đường bị thiệt hại: | | 0 | | | | |
| Số ha rừng bị thiệt hại: | | 0 | | | | |
| Số ha ruộng bị thiệt hại: | | 0 | | | | |
| Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | | 0 | | | | |
| Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | | 0 | | | | |
| Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | | 0 | | | | |
| Các thiệt hại khác…: | | 0 | | | | |
| Ước tính thiệt hại kinh tế: | | 375 triệu đồng | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/năm xảy ra** | **Loại thiên tai** | **Số thôn bị ảnh hưởng** | **Tên thôn** | **Thiệt hại chính** | **Số lượng** | |
| Tháng 11/12 từ năm 2014-2017 | Nước dâng | 18 ấp | Toàn xã | Số người chết/mất tích: | Nam | Nữ |
| Số người bị thương: | 0 | 0 |
| Số nhà bị thiệt hại: | 1.538 | |
| Số trường học bị thiệt hại: | 5 | |
| Số trạm y tế bị thiệt hại: | 1 | |
| Số km đường bị thiệt hại: | 10,3 | |
| Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 | |
| Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 178,5 | |
| Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 171 | |
| Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| Các thiệt hại khác…: bể bờ, tràn bờ (km) | 20,4 | |
| Ước tính thiệt hại kinh tế: | Trên 500 triệu đồng | |
| ***Ghi chú khác*** | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

## **Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến[[1]](#footnote-1)** | **Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai** | **Mức độ thiên tai**  **hiện tai**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** | **Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050**  **(Tăng, Giảm, Giữ nguyên)** | **Mức độ thiên tai**  **theo kịch bản**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** |
| *1* | *Bão* | *Toàn xã: các ấp bị ảnh hưởng thường xuyên:* | Cao | tăng | Cao |
| ấp Xóm Biển, Xẻo Bè, Trại Xẻo, Kinh Năm, Ông Bọng, Ông LInh, Xẻo Mấm, Cồn Cát | Cao | tăng | Cao |
| *2* | *Lốc xoáy* | Tắc Gốc | Trung bình | Giữ nguyên | Trung bình |
| Kinh Năm | Cao | Giữ nguyên | Cao |
| Ông Bọng | Trung bình | Giữ nguyên | Trung bình |
| Cây Me | Cao | Giữ nguyên | Cao |
| Bà Khuê | Trung bình | Giữ nguyên | Trung bình |
| Ông Trang | cao | Giữ nguyên | Cao |
| Trại xẻo | cao | Tăng | Cao |
| Ông Linh | cao | Tăng | Cao |
| *3* | *Nước dâng* | *Toàn xã: các ấp bị ảnh hưởng nhiều:* | Trung bình | tăng | Cao |
|  | | ấp Xóm Biển, Xẻo Bè, Trại Xẻo, Kinh Năm, Ông Bọng, Ông LInh, Xẻo Mấm, Cồn Cát | Trung bình | tăng | Cao |

## **Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH**



## **Đối tượng dễ bị tổn thương**

| **TT** | **Thôn** | **Đối tượng dễ bị tổn thương** | | | | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Trẻ em dưới 5 tuổi | | Trẻ em từ 5-18 tuổi | | Phụ nữ có thai\* | Người cao tuổi | | Người khuyết tật | | Người bị bệnh hiểm nghèo | | Người nghèo | | Người dân tộc thiểu số | |
| Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng |
| 1 | Ông Trang | 66 | 103 | 256 | 411 | 64 | 7 | 15 | 12 | 28 | 3 | 4 | 92 | 167 | 42 | 95 |
| 2 | Ông Trang A | 45 | 84 | 126 | 201 | 9 | 5 | 11 | 7 | 13 | 0 | 0 | 31 | 56 | 9 | 19 |
| 3 | Tắc Gốc | 12 | 26 | 32 | 70 | 4 | 1 | 3 | 0 | 2 | 0 | 0 | 13 | 21 | 6 | 17 |
| 4 | Vịnh Nước Sôi | 32 | 56 | 45 | 78 | 9 | 4 | 10 | 1 | 3 | 0 | 0 | 45 | 79 | 5 | 11 |
| 5 | Vịnh Nước Sôi A | 12 | 25 | 47 | 89 | 11 | 1 | 2 | 1 | 4 | 0 | 0 | 25 | 42 | 2 | 4 |
| 6 | Xóm Biển | 38 | 84 | 156 | 275 | 21 | 3 | 8 | 5 | 14 | 2 | 3 | 98 | 177 | 21 | 47 |
| 7 | Xẻo Bè | 19 | 31 | 47 | 95 | 8 | 1 | 3 | 2 | 5 | 0 | 1 | 51 | 87 | 8 | 15 |
| 8 | So Đũa | 24 | 58 | 142 | 235 | 19 | 2 | 7 | 1 | 4 | 0 | 0 | 42 | 75 | 1 | 3 |
| 9 | Ông Bọng | 11 | 27 | 45 | 87 | 5 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 | 21 | 32 | 7 | 18 |
| 10 | Nguyễn Quyền | 25 | 57 | 65 | 118 | 11 | 2 | 6 | 4 | 9 | 0 | 0 | 19 | 31 | 8 | 19 |
| 11 | Bà Khuê | 29 | 82 | 167 | 245 | 14 | 3 | 4 | 3 | 10 | 0 | 0 | 22 | 35 | 14 | 27 |
| 12 | Cây Me | 18 | 46 | 168 | 275 | 17 | 3 | 6 | 2 | 5 | 0 | 0 | 17 | 26 | 9 | 16 |
| 13 | Trại Xẻo | 11 | 22 | 41 | 68 | 9 | 2 | 3 | 1 | 4 | 0 | 0 | 23 | 36 | 4 | 10 |
| 14 | Cồn Cát | 25 | 54 | 74 | 129 | 13 | 1 | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 | 87 | 114 | 22 | 41 |
| 15 | Xẻo Mấm | 13 | 32 | 48 | 72 | 7 | 2 | 5 | 0 | 2 | 0 | 0 | 48 | 83 | 1 | 4 |
| 16 | Sắc Cò | 28 | 61 | 84 | 165 | 21 | 2 | 6 | 2 | 5 | 0 | 0 | 32 | 58 | 12 | 29 |
| 17 | Ông Linh | 25 | 51 | 154 | 256 | 23 | 4 | 8 | 3 | 7 | 0 | 0 | 41 | 60 | 10 | 23 |
| 18 | KInh Năm | 19 | 47 | 71 | 152 | 17 | 1 | 4 | 0 | 2 | 0 | 0 | 57 | 107 | 14 | 37 |
|  | **Tổng** | **452** | **946** | **1768** | **3021** | **282** | **44** | **105** | **44** | **119** | **5** | **8** | **764** | **1286** | **195** | **435** |

## **Hạ tầng công cộng**

### **Điện**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hệ thống điện** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị tính** | **Hiện trạng** | |
| Kiên cố | Chưa kiên cố |
| 1 | Cột điện | 18 ấp |  | Cột | 3.620 | 743 |
| 2 | Dây diện | 18 ấp |  | Km | 140 | 0 |
| 3 | Trạm điện | 18 ấp |  | Trạm | 58 | 0 |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | |

### **Đường và cầu cống**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đường, Cầu cống** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị**  (km) | **Hiện trạng** | | | |
| Nhựa | Bê Tông | Đất |
| 1 | **Đường** |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đường quốc lộ |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1.2 | Đường tỉnh/huyện |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1.3 | Đường xã | 7 ấp |  | 18 | 18 | 0 | 0 |
| 1.4 | Đường thôn | 15 ấp |  | 25,49 | 0 | 18 | 12,5 |
| 1.5 | Đường nội đồng |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | **Cầu, Cống** |  |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
| 2.1 | Cầu giao thông |  |  | 31 | Kiên cố | Đảm bảo tiêu thoát | 0 |
| 2.2 | Cống giao thông |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

### **Trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trường** | **Thôn[[2]](#footnote-2)** | **Năm xây dựng** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
| 1 | TRường Mầm Non Viên An | Ông Trang | 2016 | 07 | x |  |  |
| 2 | Trường Trung học Phổ thông viên An | Ông Trang | 2006 | 16 | x |  |  |
| 3 | Trường Tiểu học 1 Viên An | Ông Trang A | 2006 | 15 | x |  |  |
| 4 | Trường Tiểu học 2 Viên An | ấp Vịnh Nước Sôi | 1980 | 13 | x |  |  |
| 5 | Trường Tiểu Học 4 Viên An | ấp Kinh Năm | 1997 | 15 | x |  |  |
|  | ***Ghi chú khác: Trường tiểu học 4 Viên An có 2 điểm lẽ: So Đũa và Ông Linh*** | | | | | | |

### **Cơ sở Y tế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sở Y tế** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Số Giường** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
|  | Trạm y tế xã | Ông Trang | 1980 | 5 |  | x |  |  |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | |

### **Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trụ sở** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
| 1 | Trụ Sở UBND | Ông Trang | 2010 | 1 | X |  |  |
| 2 | Nhà văn hóa xã | 0 | 0 | 0 |  |  |  |
| **3** | **Nhà văn hóa ấp** | |  | **7** |  |  |  |
| 3.1 | Nhà văn hóa ấp | Ông Trang | 2014 | 1 | X |  |  |
| 3.2 | Nhà văn hóa ấp | Xẻo Bè |  | 1 | X |  |  |
| 3.3 | Nhà văn hóa ấp | Cây Me | 2016 | 1 | X |  |  |
| 3.4 | Nhà văn hóa ấp | Bà Khuê | 2017 | 1 | X |  |  |
| 3.5 | Nhà văn hóa ấp | Nguyễn Quyền | 2017 | 1 | X |  |  |
| 3.6 | Nhà văn hóa ấp | Tắc Gốc | 2015 | 1 | X |  |  |
| 3.7 | Nhà văn hóa ấp | Kinh Năm | 2018 | 1 | X |  |  |
| 3.8 | Nhà văn hóa ấp | Cồn Cát | 2014 | 1 |  | x |  |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

### **Chợ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chợ** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
| 1 | Chợ tạm/chợ cóc | Ông Trang | Tự phát không rõ thời gian | 1 |  |  | x |
|  | ***Ghi chú khác: Xã chưa có chợ theo quy hoạch*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

## **Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè) : không có**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Năm xây dựng** | **Số lượng** | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Chưa kiên cố (không an toàn) |
| 1 | Đê | Km | Không | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Kè | Km | Không | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Kênh mương | Km | Không | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Cống thủy lợi | Cái | Không | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Đập thủy lợi | Cái | Không | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Trạm bơm | Cái | Không | 0 | 0 | 0 |
|  | ***Ghi chú khác:*** Xã không có các công trình thủy lợi. người dân nuôi tôm và trồng rừng theo diện tích đất được hợp đồng tho 7/3 (7 diện tích trồng rừng và 3 diện tích nuôi tôm) | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | |

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Nhà kiên cố** | **Nhà bán kiên cố** | **Nhà thiếu kiên cố** | **Nhà đơn sơ** |
| 1 | Ông Trang | 518 | 175 | 317 | 22 | 4 |
| 2 | Ông Trang A | 184 | 102 | 71 | 9 | 2 |
| 3 | Tắc Gốc | 86 | 22 | 59 | 5 | 0 |
| 4 | Vịnh Nước Sôi | 146 | 57 | 80 | 7 | 2 |
| 5 | Vịnh Nước Sôi A | 96 | 38 | 51 | 5 | 2 |
| 6 | Xóm Biển | 197 | 34 | 128 | 25 | 10 |
| 7 | Xẻo Bè | 95 | 25 | 60 | 6 | 4 |
| 8 | So Đũa | 193 | 55 | 108 | 18 | 12 |
| 9 | Ông Bọng | 85 | 31 | 48 | 4 | 2 |
| 10 | Nguyễn Quyền | 161 | 47 | 108 | 6 | 0 |
| 11 | Bà Khuê | 190 | 63 | 119 | 8 | 0 |
| 12 | Cây Me | 216 | 74 | 132 | 10 | 0 |
| 13 | Trại Xẻo | 85 | 12 | 64 | 7 | 2 |
| 14 | Cồn Cát | 168 | 15 | 113 | 25 | 15 |
| 15 | Xẻo Mấm | 105 | 33 | 55 | 14 | 3 |
| 16 | Sắc Cò | 156 | 57 | 86 | 11 | 2 |
| 17 | Ông Linh | 229 | 71 | 117 | 24 | 7 |
| 18 | KInh Năm | 116 | 29 | 59 | 25 | 3 |
|  | **Tổng** | **3.026** | **940** | **1775** | **231** | **70** |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | |

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt** | | | | | **Số hộ sử dụng nhà vệ sinh** | | |
| **Giếng**  **(đào/**  **khoan)** | **Nước máy** | **Trạm cấp nước công cộng** | **Tự chảy** | **Bể chứa nước** | **Hợp vệ sinh**  **(tự hoại, bán tự hoại)** | **Tạm** | **Không có** |
| **1** | Ông Trang | 518 | 106 | 0 | 412 | 0 | 0 | 25 | 493 | 0 |
| **2** | Ông Trang A | 184 | 86 | 0 | 98 | 0 | 0 | 7 | 177 | 0 |
| **3** | Tắc Gốc | 86 | 86 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 84 | 0 |
| **4** | Vịnh Nước Sôi | 146 | 146 | 0 | 0 | 0 | 0 | 15 | 131 | 0 |
| **5** | Vịnh Nước Sôi A | 96 | 96 | 0 | 0 | 0 | 0 | 13 | 83 | 0 |
| **6** | Xóm Biển | 197 | 160 | 0 | 37 | 0 | 0 | 5 | 192 | 0 |
| **7** | Xẻo Bè | 95 | 95 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 94 | 0 |
| **8** | So Đũa | 193 | 119 | 0 | 74 | 0 | 0 | 7 | 186 | 0 |
| **9** | Ông Bọng | 85 | 85 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 84 | 0 |
| **10** | Nguyễn Quyền | 161 | 161 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 156 | 0 |
| **11** | Bà Khuê | 190 | 190 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9 | 181 | 0 |
| **12** | Cây Me | 216 | 216 | 0 | 0 | 0 | 0 | 6 | 210 | 0 |
| **13** | Trại Xẻo | 85 | 85 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 85 | 0 |
| **14** | Cồn Cát | 168 | 168 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 168 | 0 |
| **15** | Xẻo Mấm | 105 | 105 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 103 | 0 |
| **16** | Sắc Cò | 156 | 156 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 154 | 0 |
| **17** | Ông Linh | 229 | 148 | 0 | 81 | 0 | 0 | 4 | 225 | 0 |
| **18** | KInh Năm | 116 | 116 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 114 | 0 |
|  | **Tổng** | **3026** | **2324** | **0** | **702** | **0** | **0** | **106** | **2920** | **0** |
|  | ***Ghi chú:***   * *Nguồn nước sinh hoạt tại địa phương là sử dụng giếng khoan lấy nước từ dưới lòng đất chưa qua xử lý được sử dụng trực tiếp nên nguy cơ nhiễm các chất ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.* * *Cầu tiêu hợp vệ sinh rất ít được tài trợ thông qua một vài dự án của các tổ chức NGO nhưng chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu xây dựng cầu tiêu hợp vệ sinh, đa số các cầu tiêu thải trực tiếp ra môi trường* | | | | | | | | | |

## **Hiện trạng dịch bệnh phổ biến**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại dịch bệnh phổ biến** | **Trẻ em** | **Phụ nữ** | **Nam giới** | **Trong đó Người cao tuổi** | **Trong đó Người khuyết tật** |
| 1 | Sốt rét | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Sốt xuất huyết | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Viêm đường hô hấp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tay chân miệng | 8 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Số ca bệnh phụ khoa | 3 | 115 | 0 | 2 | 4 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| ***Ghi chú khác:*** *Số ca bệnh phụ khoa cao là do điều kiện nước sạch và vệ sinh không đảm bảo.*  *Nguồn nước sử dụng hầu hết là giếng khoan rút trực tiếp từ dưới lòng dất lên không qua xử lý; tỷ lệ người dân sử dụng cầu tiêu dứng tiêu chuẩn hợp vệ sinh rất thấp 106 cầu tiêu hợp vệ sinh/2920 cầu tạm/3.026 hộ.* | | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | |

## **Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại rừng** | **Năm trồng rừng** | **Thôn** | **Tổng diện tích (ha)** | **Tỷ lệ thành rừng** | **Các loại cây được trồng bản địa** | **Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng** | **Diện tích do dân làm chủ rừng** |
|  | **Rừng ngập mặn** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. | Rừng ngập mặn |  | Ông Trang |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 2. | Rừng ngập mặn |  | Ông Trang A |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 3. | Rừng ngập mặn |  | Tắc Gốc |  | 7/3 | Đước | NTTS, vót đũa | 0 |
| 4. | Rừng ngập mặn |  | Vịnh Nước Sôi |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 5. | Rừng ngập mặn |  | Vịnh Nước Sôi A |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 6. | Rừng ngập mặn |  | Xóm Biển |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 7. | Rừng ngập mặn |  | Xẻo Bè |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 8. | Rừng ngập mặn |  | So Đũa |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 9. | Rừng ngập mặn |  | Ông Bọng |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 10 | Rừng ngập mặn |  | Nguyễn Quyền |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 11 | Rừng ngập mặn |  | Bà Khuê |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 12 | Rừng ngập mặn |  | Cây Me |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 13 | Rừng ngập mặn |  | Trại Xẻo |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 14 | Rừng ngập mặn |  | Cồn Cát |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 15 | Rừng ngập mặn |  | Xẻo Mấm |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 16 | Rừng ngập mặn |  | Sắc Cò |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 17 | Rừng ngập mặn |  | Ông Linh |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
| 18 | Rừng ngập mặn |  | Kinh Năm |  | 7/3 | Đước | NTTS | 0 |
|  | **Rừng trên cát** | 0 |  |  |  |  |  | 0 |
|  | **Rừng tự nhiên** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng** | 0 |  |  |  |  |  | 0 |
|  | **Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng** | 0 |  |  |  |  |  | 0 |
|  | **Rừng khác** | 0 |  |  |  |  |  | 0 |
|  | **Tổng** |  |  | **2.750.63** |  |  |  |  |
| ***Ghi chú khác:*** Rừng ngặp mặn hầu hết là trồng cây đước và nuôi tôm, cá, cua theo hình thức quảng canh trong các ao vuông theo tỷ lệ 7/3 rừng/thủy sản (diện tích 7/3), rừng ngập mặn đã được trồng từ rất lâu, qua nhiều thế hệ nên không có thông tin lịch sử cụ thể. | | | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | | |

## **Hoạt động sản xuất kinh doanh**

| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **Thôn** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiềm năng phát triển (\*) | Tỷ lệ (%) thiệt hại (\*\*) |
| 1 | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm   và cây ăn quả | Ha  0  168,3  188,72  58 | 18 ấp | 1.217 | 80% | Hoa màu | 20-25% |
| 2 | Chăn nuôi   * Gia súc * Gia cầm | Con  4.112  7.457 | 17 ấp | 1.325 | 80% | Gia súc | 15-20% |
| 3 | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ | Hộ: 64  Tàu: 15 | 4 ấp | 7 | 10% | 0 | 0 |
| 4 | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | 0  2.104  0 | 18 ấp | 2.018 | 50% | NTTS: tôm, cua | 30-35% |
| 5 | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm | 0  0 | 0  0 | 0  0 | 0  0 | 0  0 |
| 6 | Buôn bán và dịch vụ khác | Hộ | 4 | 43 | 70% | Buôn bán | 10% |
| ***Ghi chú khác*** | | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  *(\*) Mục tiềm năng phát triển: ghi rõ đánh giá của cộng đồng/xã xem đây có phải là ngành kinh tế chủ lực và xu hướng đầu tư phát triển của người dân và xã đối với ngành/lĩnh vực này trong 10-20 năm tới.*  *(\*\*) Mục này điền số % - dựa trên kết quả nhận định chung về mức độ thiệt hại do thiên tai* ***thường xuyên*** *xảy ra với lĩnh vực này* | | | | | | | |

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Địa bàn Thôn** |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | % | 3026 | 18/18 |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | % | 120 | 7/18 |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | Cụm | 15 | 7/18 |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 418 | 7/18 |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn | Trạm | 0 | 0 |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Hộ | 0 | 0 |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | % | 2198 | 18/18 ấp |
| ***Ghi chú khác*** | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  *Phần nhận xét cần thêm: loại thông tin dự báo TT và BĐKH nào? Được chuyển tải đến người dân bằng những kênh thông tin nào? Thông tin có dễ hiểu và dễ làm theo cho các đối tượng DBTT không? (PN, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật…)* | | | | |

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm | Thôn | 0 |  |
| 2 | Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm | Trường | 5 | Mầm Non, TH1, TH2, TH4, THPT |
| 3 | Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã | Lần | 1 |  |
| 4 | Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã | Người | 45 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 6 | 01 phó ban thường trực và 05 thành viên |
|  | * Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu | Người | 45/6 | Đã được tập huấn |
| 5 | Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã | Người | 32 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 12 | Lãnh đạo, thành viên |
| 6 | Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng | Người | 12 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 4 | Đội trưởng, thành viên |
| 7 | Số lượng Phương tiện PCTT tại xã: |  |  |  |
|  | * Ghe, thuyền: | Chiếc | 0 |  |
|  | * Áo phao | Chiếc | 200 |  |
|  | * Loa | Chiếc | 4 |  |
|  | * Đèn pin | Chiếc | 12 |  |
| 3 | * Máy phát điện dự phòng | Chiếc | 1 |  |
|  | * Lều bạt | Chiếc | 1 |  |
|  | * Xe vận tải | Chiếc | 0 |  |
| 8 | Số lượng vật tư thiết bị dự phòng |  |  |  |
|  | * Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ | Đơn vị | 0 |  |
| 9 | Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ | Đơn vị | 0 |  |
| 10 | Khác.... |  | 0 |  |
| ***Ghi chú khác*** | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | |

## **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác :Không có**

## **Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ** | **Ông trang** | **Ông Trang A** | **Xóm Biển** | **Xẻo Bè** | **Trại Xẻo** | **Cồn Cát** | **Sắc Cò** | **Ông Linh** | **Ông Bọng** | **Kinh Năm** | **Tắc Gốc** | **Xẻo Mấm** | **Vịnh Nước Sôi** | **Vịnh Nước Sôi A** | **Nguyễn Quyền** | **So Đũa** | **Bà Khuê** | **Cây Me** | **Khả năng của xã**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| 1 | Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục) | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | Cao |
| 2 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | * Điện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | Thấp |
|  | * Đường và cầu cống | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | 20% | Thấp |
|  | * Trường | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | cao |
|  | * Trạm | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | Thấp |
|  | * Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | Thấp |
|  | * Chợ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | Thấp |
| 3 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | Thấp |
| 4 | Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | Thấp |
| 5 | Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | 50% | Trung bình |
| 6 | Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế  Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | Thấp |
| 7 | Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | cao |
| 8 | Hoạt động sản xuất kinh doanh | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | cao |
| 9 | Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm | 20% | 10% | 10% | 10% | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 00 | 10% | 0 | 0 | 10% | 10% | Quá thấp |
|  | **Khả năng của thôn**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| ***Ghi chú khác*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền:***   * *Lưu ý điền kết quả đánh giá khả năng của xã theo cột (cột cuối cùng) và của từng thôn theo hang ngang (10) – Chỉ điền mức độ (cao hoặc thấp, hoặc trung bình)* * *Chỉ điền cho các thôn có năng lực cho các lĩnh vực cụ thể.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

# **Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã**

## **Rủi ro với dân cư và cộng đồng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Bão** | Toàn xã | 3.026 | **Vật chất:**   * Hầu hết nhả ở của người dân bán kiên cố, còn thấp so với mực nước dâng kết hợp bão * Thiếu các ngành nghề sinh kế của cộng đồng * Hệ thống thông tin cảnh báo còn thiếu * Ít cơ sở, địa điểm tránh trú bão (chủ yếu dựa vào nhà kiên cố của người dân) * Hệ thống giao thông đường liên xã, ấp còn hẹp * Điện chưa cung cấp đầy đủ 100% các hộ (còn sử dụng điện chia hơi); cột điện trên vùng đất trủng dễ đổ ngã   **Nhận thức và thái độ:**   * Kinh tế chủ yếu là rừng và nuôi trồng thủy sản, lệ thuộc vào thiên nhiên * Một số thành viên BCH PCTT & TKCN chưa có kỹ năng trong công tác PCTT và thích ứng BĐKH * Chưa có kinh nghiệm thực tiển trong công tác chỉ huy PCTT * Ý thức phòng chống bão của người dân còn chủ quan mặc dù năm 1997 đã có Bão lịch sử (Số 5) đã gây thiệt hại nặng co xã   **Tổ chức xã hội:**   * Kiến thức về phòng chống thiên tai và ứng phó với BDKH của cộng đồng chưa được phổ biến * Công tác chỉ huy đôi lúc chưa kịp thời và sâu sát * Chưa có quy chế hoạt động của Ban CH PCTT & TKCN * Phương án phòng chống Bão chưa cụ thể, yều về công tác hậu cần * Công tác thông tin, tuyên truyền chưa hiệu quả do kiến thức và kỹ năng của người làm công tác tuyên truyền * Chưa có phương tiện chuyên dụng trong công tác PCTT; chủ yếu tận dụng phương tiện của người dân khi di dời dân. * Công tác hậu cần phục vụ sơ tán còn túng túng * Chưa phát huy kỹ năng đầy đủ cho công tác PCTT * Chưa tổ chức được lực lượng tình nguyện trong cộng đồng. | **Vật chất:**   * Đường giao thông đi lại được nâng cấp tốt hơn * Có một số nhà kiên cố, trụ sở, trường học làm nơi tránh trú bão * Tàu thuyền đánh bắt xa bờ được trang bị hệ thống thông tin * Hầu hết người dân đều có điện thoại di động   **Nhận thức và thái độ:**   * Người dân có kinh nghiệm từ cơn bão số 5 năm 1997 * Ý thức tự hằng neo nhà ở và chấp hành hướng dẫn PCTT và chấp hành khi có lệnh sơ tán cao * Người dân có ý thức tự chằng neo nhà cửa, chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi có cảnh báo thiên tai * Gia đình có nhà kiên cố sẵn sàng cho người dân đến lánh nạn tạm thời   **Tổ chức xã hội:**   * Quan tâm chia sẽ, giúp đỡ nhau khi có khó khăn * Địa phương tăng cường công tác trồng rừng ngập mặn để giảm các rủi ro do thiên tai và phát triển sản xuất bằng việc nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng rừng | * Sập nhà, tốc mái * Dịch bệnh sau thiên tai * Hư hỏng thiết bị, cơ sở hạ tầng * Người chết và bị thương * Hư hại hoa màu, rừng * Thiệt hại về sản xuất nuôi trồng thủy sán và chăn nuôi | *Cao*  *Cao*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Cao* |
| **Nước dâng do triều cường** | Toàn xã | 3.026 | **Vật chất:**   * Nền nhà thấp * Bờ vuông tôm thấp, yếu * Đường giao thông hẹp, thấp so với mực nước triều cường * Thiếu dụng cụ chứa và dự trử nước sạch * Không có công trình thủy lọi tiêu thoát nước chung trong toàn xã   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức của người dân còn thấp, không chủ động phòng ngừa và ứng phó * Ý thức vệ sinh bảo vệ môi trường của người dân còn kém * Chưa tận dụng hết các nguồn lợi do triều cường mang lại   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng hỗ trợ không đủ, không kịp thời * Công tác tuyên truyền chưa đảm bảo * Kinh phí thực hiện công tác PCTT còn thiếu * Trang thiết bị phục vụ cho công tác tuyên truyền vận động nhân dân chưa được đảm bảo * Tuyên truyền chưa đầy đủ, chưa tác động đến nhận thức của người dân | **Vật chất:**   * Nhiều hộ gia đình có khả năng cất nhà trên cột xi măng tránh được nước dâng * Người dân tự chủ động trong việc gia cố các đê bao nuôi tôm và thủy sản   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức bảo quản rừng và nuôi trồng thủy sản của người dân cao * Người dân có kinh nghiệm tận dụng nước triều dâng để khai thác nguồn thủy sản tự nhiên và tháo xổ nước trong các vuông tôm.   **Tổ chức xã hội:**   * Trồng rừng và nuôi tôm, cá, cua trong các vuông tôm là nguồn lợi chính của người dân * Chính quyền địa phương có chính sách khuyến khích giao đất cho người dân trồng rừng và nuôi thủy sản theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm. | * Ngập nhà, hư hỏng đồ đác trong gia đình * Ô nhiễm môi trường do rác thải * Dịch bệnh cho người * Dịch bệnh cho vật nuôi * Hư hại hoa màu * Thiệt hại thủy sản do tràn bờ bao vuông * Hư hỏng cơ sở hạ tầng (cột điện, đường giao thông) | *Cao*  *Cao*  *Cao*  *Cao*  *Cao*  *Thấp*  *Trung bình* |
| **Giông lốc** | Toàn xã | 3.026 | **Vật chất:**   * Nhiều nhà tạm lợp bằng mái tole * Vit trí xã địa lý và nhà ở người dân ở gần bờ biển * Thiếu điều kiện kiên cố nhà ở * Không chặt tỉa cành lá cây rừng trước mùa thiên tai   **Nhận thức, thái độ:**   * Còn chủ quan do không biết giông lốc sẽ xãy ra vào lúc nào và mức độ thiệt hại * Ít quan tâm đến việc chằng neo nhà ở trước mùa thiên tai   **Tổ chức xã hội:**   * Thiếu các lực lượng tình nguyện hỗ trợ trong cộng đồng * Kinh phí cho công tác phòng chống thiên tai ít * Lực lượng trẻ tại địa phương thiếu quan tâm đến đời sống trong cộng đồng | **Vật chất:**   * Nhà ở xung quanh là rừng đước, vẹt * Hệ thống thông tin, tuyên truyền còn ít (7/18 ấp có loa truyền thanh)   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân có ý thức chia sẻ, giúp đỡ nhau khi có thiên tai. Hoạn nạn. * Nam giới sửa chữa lại nhà ở và phụ nữ dọn dẹp trong gia đình   **Tổ chức xã hội:**   * Chính quyền địa phương thường xuyên tuyên truyền công tác PCTT cho người dân * Xã được hỗ trợ của một số dự án năng cao năng lực của các tổ chức NGO nước ngoài thông qua Hội Liên hệp phụ nữ và Hội Chữ thập đỏ | * Nhà sập, tốc mài * Gãy đổ cây rừng * Lá cây rừng rụng làm ảnh hưởng nguồn nước nuôi thủy sản * Hư hại hoa màu | *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình* |
| …. | ***Ghi chú khác:***   * *Tần suất bão xãy ra thấp (năm 1997 Bão Linda tác động gây ảnh hưởng lớn đến cộng đồng, năm 2017 có cảnh báo nhưng không xãy ra)* * *Triều cường và nước dâng thường ra ra mỗi tháng 2 lần* * *Giông lốc thường xãy ra nhưng thiếu sự quan tâm của cộng đồng,* * *Về mặt xã hội lực lượng trẻ thường đi đánh bắt ngoài biển xa khi vào bờ tiêu xài chi phí nhiều nhưng không quan tâm đến việc chăm sóc gia đình và con cái* | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***   * *Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B4), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)* * *Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ* ***bảo vệ sinh mạng của dân*** *mà cộng đồng đã có* ***đối với loại hình thiên tai cụ thể*** * *Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro với dân cư và cộng đồng của từng loại hình thiên tai tại từng thôn* * *Cột 7: Điền mức độ rủi ro đối với dân cư Cao, Trung binh hoặc Thấp dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)* | | | | | | |

## **Hạ tầng công cộng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão và nước triều dâng | Toàn xã | 3.026 | * Đường giao thông xã (17 km) còn hẹp và thấp; * 12,5 /25,5 km đường ấp là đường đất * 743 cột điện chưa được kiên cố * Hệ thống điện chưa đảm bảo an toàn và người dân còn sử dụng điện “chia hơi” phải trả tiên điện giá cao * Mạng lưới điện chưa đến được những ấp xa | * 18/25.5 km đường liên ấp được bê tông hóa * 3.620 cột điện, 140.000 met dây điện và 58 trạm điện trong toàn xã * Đường giao thông được bê tông hóa tạo thuận lợi cho việc giao thương, đi lại của người dân trong xã * Cống và cầu được kiên cố, đảm bảo tiêu thoát nước phục vụ sản xuất | * Một số đoạn đường bị ngập và xói mòn khi nước dâng * Cột điện ngã đổ | *Thấp*  *Thấp* |
| …. | ***Ghi chú:*** Điện “chia hơi” là sử dụng điện câu qua đồng hồ của người khác phải chịu giá thu tiền điện + thêm thất thoát điện năng | | | | | |

## **Công trình thủy lợi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  | **Toàn xã** |  | **Không có công trình thủy lợi** |  |  |  |
| Nước triều cương dâng | Toàn xã | 3.026 | **Vật chất:**   * Rác thải * Nhà vệ sinh trên sông. * Lá rụng xuống vuông tôm * Trại tôm giống xử lý nước thải ra sông. * Người dân cất chuồng trại trên sông. * Bờ bao thấp * Các hoạt động sản xuất chưa được đầu tư đúng mức * Con giống không chất lượng, không qua kiểm dịch * Trại giống tư nhân có nhiều nhưng không được kiểm soát * Nguồn nước bị ô nhiểm ảnh hướng đến tôm cua cá   **Nhận thức/Thái dộ**   * Chủ quan , thờ ơ với việc ô nhiễm môi trường. * Người dân còn chủ quan chưa gia cố bờ bao bảo vệ vuông tôm * Tình trạng khai thác cây rừng bừa bãi   **Tổ chức xã hội**   * Công tác tuyên truyền còn hạn chế, không thường xuyên. | **Vật chất:**   * Bờ bao các vuông nuôi tôm do người dân tự làm * Diện tích nuôi trồng thủy sản kết hợp rừng là 3.062,46 ha.   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân có kinh nghiệm nuôi tôm kết hợp trồng rừng nhiều năm.   **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có chính sách khoáng diện tích rừng cho người dân để sản xuất (7/3) | * Bể bờ làm thất thoát tôm nuôi trong vuông * Tôm chết do môi trường nước bị ô nhiễm | *Cao*  *Cao* |
| ***Ghi chú khác:*** *Trong xã không có công trình thủy lợi* | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 **&B6**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các công trình thủy lợi mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với công trình thủy lợi của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với công trình thủy lợi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão, nước dâng và giông lốc | Ông Trang | 518 | **Vật chất:**   * 33,8 % nhà kiên cố nhưng không có khả năng ứng phó với bão có cường độ mạnh cấp 11 trở lên cộng với * Còn hơn 60% nhà thiếu kiên cố * Ít điểm tránh trú bão, nhà không xây dựng hầm tránh trú * Mái nhà và kết cầu nhà chưa đúng tiêu chuẩn an toàn với Bão * Thiếu điều kiện và tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ cho việc xây dựng nhà ở an toàn * 72 nữ là chủ hộ * 40 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức chủ quan của người dân còn cao, * Chưa có ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Chưa được quy hoạch dân cư để giảm nhẹ rủi ro thiên tai * Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng còn hạn chế | **Vật chất:**   * 175 nhà kiên cố, chiếm 33,8 % các hộ trong ấp * Nhà ở tập trung * Tiếp cận được hệ thống loa truyền thanh * Gần trụ sở UBND có thể sơ tán kịp thời   **Nhận thức, thái độ:**   * Có ý thức cảnh giác từ cơn bão số 5 * Người dân có nhà kiên cố sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ chỗ ở sơ tán   **Tổ chức xã hội:**   * Chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo * Có tăng cương thông tin cảnh bảo và kiểm tra việc phòng chồng của người dân | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Ông Trang A | 184 | **Vật chất:**   * Nhà ở chưa an toàn, thiếu nới tránh trú bão trong nhà * Thiếu điều kiện để xây nhà kiên cố * Thiếu các điều kiện để chằng neo nhà ở * 17 nữ là chủ hộ * 16 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức chủ quan của người dân còn cao, không chủ động chằng neo nhà ở khi có thông tin cảnh báo * Chưa có ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng còn hạn chế | **Vật chất:**   * 102/ 184 hộ có nhà ở kiên cố * Nhà ở người dân tập trung * Tiếp cận được hệ thống loa truyền thanh khi có thông tin cảnh báo * Di chuyển, sơ tán đến nơi an toàn như trụ sở UBND, trường học nhanh hơn   **Nhận thức, thái dộ:**   * Người dân và các tổ chức đoàn thể ấp có ý thức phòng chống bão * Sẵn sàng sơ tán khi có cảnh báo thiên tai   **Tổ chức xã hội:**   * Thông tin cảnh báo thiên tai kịp thời đến người dân | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Tắc Gốc | 86 | **Vật chất:**   * > 75 % Nhà ở chưa an toàn, 25 % nhà ở kiên cố nhưng thiếu nơi tránh trú bão trong nhà * Thiếu các điều kiện để xây dựng nhà ở an toàn do kinh tế còn khó khăn * Xa trung tâm xã nên hệ thống loa truyền thanh không có * 6 nữ là chủ hộ * 7 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức chủ quan của người dân còn cao, không chủ động chằng neo nhà ở khi có thông tin cảnh báo   **Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng còn hạn chế | **Vật chất:**   * 22/86 hộ có nhà kiên cố có thể hỗ trợ chính quyền sơ tán dân * Xã có nhà văn hóa có thể làm điểm tránh trú bão   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân có ý thức phòng chống từ kinh nghiệm cơn bão số 5 (1997) * Hầu hết người dân có điện thoại di động có thể được tiếp nhận thông tin thiên tai qua kênh điện thoại * Xã có nhà văn hóa có thể làm điểm tránh trú bão   **Tổ chức xã hội:**   * Các đoàn thể và tổ chức xã hội có tăng cường công tác tuyên truyền | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Vịnh Nước Sôi | 146 | **Vật chất:**   * 60 % Tỷ lệ nhà thiếu kiên cố và nhà tạm, 40% nhà kiên cố nhưng không có nơi trú ẩn khi có bão * Kết cầu nhà ở chủ yếu bằng tole, ít có nhà xây, nhà được cất trên cột trụ gỗ hoặc xi măng đễ có nguy cơ tốc, đỗ * Thiếu điều kiện để xây dựng nhà ở kiên cố hơn * Thiếu hệ thống loa thông tin * 12 nữ là chủ hộ * 20 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức chủ quan với thiên tai còn cao, không có ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn   **Tổ chức, xã hội:**   * Công tác tuyên truyền chưa cụ thể | **Vật chất:**   * 57/146 hộ có nhà kiên cố * Nhà ở không gần sông và biển   **Nhận thức, thái độ:**   * Có ý thức cảnh giác từ cơn bão số 5 * Người dân có nhà kiên cố sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ chỗ ở sơ tán   **Tổ chức xã hội:**   * Chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo * Hệ thống thông tin qua điện thoại được phủ khắp và nhiều gia đình có điện thoại di động | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
| …. | Vịnh Nước Sôi A | 96 | **Vật chất:**   * 50% nhà ở của người dân thiếu kiên cố và nhà tạm * Kết cầu nhà ở chủ yếu bằng tole, hoặc vật iệu địa phương như đước, vẹc; ít có nhà xây, nhà được cất trên cột trụ gỗ hoặc xi măng đễ có nguy cơ tốc, đỗ * Thiếu điều kiện để xây dựng nhà ở kiên cố hơn * Thiếu hệ thống loa thông tin * 7 nữ là chủ hộ * 10 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo thiên tai * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn * Còn trông chờ vào sự giúp đỡ của chính quyền địa phương   **Tổ chức, xã hội:**   * Công tác tuyên truyền chưa cụ thể | **Vật chất:**   * 38/96 hộ có nhà ở kiên cố * Nhà ở không gần sông và biển   **Nhận thức, thái độ:**   * Có ý thức cảnh giác từ cơn bão số 5 * Người dân có nhà kiên cố sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ chỗ ở sơ tán   **Tổ chức xã hội:**   * Chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo * Hệ thống thông tin qua điện thoại được phủ khắp và nhiều gia đình có điện thoại di động | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | **Xóm Biển** | **197** | **Vật chất:**   * Tỷ lệ nhà ở kiên cố rất thấp chiếm 17% , vị trí nhà ở gần sông lớn và biển * Nhà không có nơi tránh trú bão, ít điều kiện sơ tán đến nơi an toàn (xa trụ sở UBND, nhà văn hóa, trường học) * Ít lực lượng hỗ trợ người dân khi có thiên tai * 29 nữ là chủ hộ * 50 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức chủ quan với thiên tai còn cao, * Không có ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn   **Tổ chức, xã hội:**   * Thiếu được tiếp cận với loa truyền thanh xã | **Vật chất:**   * 34/197 hộ có nhà kiên cố * Có điều kiện để phát triển kinh tế gia đình để tăng thu nhập   **Nhận thức, thái độ:**   * Có nhận thức tốt hơn từ sau khi ảnh hưởng Bão số 5 * Ý thức đoàn kết tương trợ tốt   **Tổ chức, xã hội:**   * Điện thoại di động chiếm tỷ lệ cao nên người dân có thể tiếp cận thông tin qua Điện thoại di động * Chính quyền địa phương quan tâm đến công tác PCTT đối với ấp | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | **Xẻo Bè** | **95** | **Vật chất:**   * Tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố > 70% * Vị trí nhà ở vùng rủi ro * Khi cần sơ tán đến nơi an toàn (xa trụ sở UBND, nhà văn hóa, trường học) đường đi xa và khó khăn * 3 nữ là chủ hộ * 22 hộ nghèo   **Thái độ, nhận thức:**   * Chủ quan, không có ý thức chằng neo nhà cửa * Trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền địa phương   **Tổ chức xã hội:**   * Ít lực lượng hỗ trợ người dân khi có thiên tai | **Vật chất:**   * 25/95 nhà ở kiên cố (nhưng thiếu nơi tránh trú bão.   **Nhận thức, thái độ:**   * Có ý thức cảnh giác từ cơn bão số 5 * Người dân có nhà kiên cố sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ chỗ ở sơ tán   **Tổ chức xã hội:**   * Chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo * Hệ thống thông tin qua điện thoại được phủ khắp và nhiều gia đình có điện thoại di động | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | So Đũa | 193 | **Vật chất:**   * Hơn 90% nhà ở của người dân thiếu kiên cố * 16 nữ là chủ hộ * 18 hộ nghèo   **Thái độ, nhận thức:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Chủ quan, không có ý thức chằng neo nhà cửa * Trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền địa phương   **Tổ chức xã hội:**   * Ít lực lượng hỗ trợ người dân khi có thiên tai * Hệ thống loa thông tin cảnh báo không đến được người dân | **Vật chất:**   * 55 nhà ở kiên cố (nhưng thiếu nơi tránh trú bão).   **Nhận thức, thái độ:**   * Có ý thức cảnh giác từ cơn bão số 5 * Người dân có nhà kiên cố sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ chỗ ở sơ tán   **Tổ chức xã hội:**   * Chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo * Hệ thống thông tin qua điện thoại được phủ khắp và nhiều gia đình có điện thoại di động | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | **Ông Bọng** | **85** | **Vật chất:**   * Tỷ lệ hộ dân có thiếu kiên cố chiếm trên 60% * Nhà kiên cố nhưng không có nơi trú ẩn * Đường sơ tán xa trung tâm x4 * Thiếu điều kiện làm nhà kiên cố do không có chủ quyền về đất ở * Loa truyền thanh thiếu * 04 nữ là chủ hộ * 08 hộ nghèo   **Thái độ, nhận thức:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Chủ quan, không có ý thức chằng neo nhà cửa * Trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền địa phương   **Tổ chức xã hội:**   * Ít lực lượng hỗ trợ người dân khi có thiên tai * Hệ thống loa thông tin cảnh báo không đến được người dân | **Vật chất:**   * 31/85 nhà ở kiên cố chiếm 36,5% hộ gia đình trong ấp * Có loa truyền thanh để thông tin cảnh báo cho người dân   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân có ý thức cảnh giác từ cơn bão số 5 * Người dân có nhà kiên cố sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ chỗ ở sơ tán   **Tổ chức xã hội:**   * Điện thoại di động chiếm tỷ lệ cao nên người dân có thể tiếp cận thông tin qua Điện thoại di động * Chính quyền địa phương quan tâm đến công tác PCTT đối với ấp | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Nguyễn Quyền | 161 | **Vật chất:**   * Tỷ lệ nhà tạm và thiếu kiên cố trên ấp còn nhiều * Người dân không có chủ quyền đất vì đất do Ban Quản lý rừng quản lý và hợp đồng khoán cho người dân canh tác 20 năm. * 15 nữ là chủ hộ * 8 hộ nghèo   **Thái độ, nhận thức:**   * Người dân chưa được cung cấp kiến thức về phòng chống thiên tai * Chủ quan, không có ý thức chằng neo nhà cửa * Trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền địa phương   **Tổ chức xã hội:**   * Ít lực lượng hỗ trợ người dân khi có thiên tai | **Vật chất:**   * 47/161 hộ có nhà kiên cố sẵn sàng hỗ trợ cho các hộ nghèo đến lánh nạn khi có thiên tai * Có trạm loa truyền thanh thông tin cảnh báo kịp thời cho người dân   **Thái độ, nhận thức:**   * Kinh nghiệm phòng ngừa từ cơn bảo số 5 năm 1997   **Tổ chức xã hội:**   * Mạng lưới điện thoại | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Bà Khuê | 190 | **Vật chất:**   * Tỷ lệ nhà tạm và thiếu kiên cố trên ấp còn nhiều * Người dân không có chủ quyền đất vì đất do Ban Quản lý rừng quản lý và hợp đồng khoán cho người dân canh tác 20 năm. * 21 nữ là chủ hộ * 10 hộ nghèo   **Thái độ, nhận thức:**   * Người dân chưa được cung cấp kiến thức về phòng chống thiên tai * Chủ quan, không có ý thức chằng neo nhà cửa * Trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền địa phương   **Tổ chức xã hội:**   * Ít lực lượng hỗ trợ người dân khi có thiên tai | **Vật chất:**   * 63/190 hộ gia đình có nhà kiên cố * Hộ có nhà kiên cố sẵn sàng hỗ trợ cho các hộ nghèo đến lánh nạn khi có thiên tai * Có trạm loa truyền thanh thông tin cảnh báo kịp thời cho người dân   **Thái độ, nhận thức:**   * Kinh nghiệm phòng ngừa từ cơn bảo số 5 năm 1997   **Tổ chức xã hội:**   * Mạng lưới điện thoại | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Cây Me | 216 | **Vật chất:**   * Tỷ lệ nhà tạm và thiếu kiên cố trên ấp còn nhiều * Người dân không có chủ quyền đất vì đất do Ban Quản lý rừng quản lý và hợp đồng khoán cho người dân canh tác 20 năm. * 24 nữ là chủ hộ * 9 hộ nghèo   **Thái độ, nhận thức:**   * Người dân chưa được cung cấp kiến thức về phòng chống thiên tai * Chủ quan, không có ý thức chằng neo nhà cửa * Trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền địa phương   **Tổ chức xã hội:**   * Ít lực lượng hỗ trợ người dân khi có thiên tai | **Vật chất:**   * 74/216 hộ gia đình có nhà kiên cố * Hộ có nhà kiên cố sẵn sàng hỗ trợ cho các hộ nghèo đến lánh nạn khi có thiên tai * Có trạm loa truyền thanh thông tin cảnh báo kịp thời cho người dân   **Thái độ, nhận thức:**   * Kinh nghiệm phòng ngừa từ cơn bảo số 5 năm 1997   **Tổ chức xã hội:**   * Người dân sử dụng điện thoại nhiều nên có thể liên lạc thông tin cảnh báo thiên tai qua điện thoại | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | **Trại Xẻo** | **85** | **Vật chất:**   * Tỷ lệ nhà thiếu an toàn chiếm > 80% * Vị trí nhà ở người dân gần sông Cửa lớn * Nhà không có nơi tránh trú bão, ít điều kiện sơ tán đến nơi an toàn (xa trụ sở UBND, nhà văn hóa, trường học) * Ít lực lượng hỗ trợ người dân khi có thiên tai * 4 nữ là chủ hộ * 9 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức chủ quan với thiên tai còn cao, * Không có ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn   **Tổ chức, xã hội:**   * Thiếu được tiếp cận với loa truyền thanh xã | **Vật chất:**   * 12/85 hộ có nhà ở kiên cố sẵn sàng trợ giúp sơ tán * Có điều kiện phát triển kinh tế gia đình   **Nhận thức, thái độ:**   * Có nhận thức về thiên tai tốt hơn từ sau khi ảnh hưởng Bão số 5 * Ý thức đoàn kết tương trợ tốt   **Tổ chức, xã hội:**   * Người dân có thể tiếp cận thông tin qua điện thoại * Chính quyền địa phương và đoàn thể có quan tâm công tác PCTT | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | **Cồn Cát** | **168** | **Vất chất:**   * Ấp trên vị trí rủi ro về ngập lụt và giông bão do 2 mặt giáp biển * Số nhà tạm và thiếu kiên cố rất nhiều chiếm tỷ lệ 90% * Không có hệ thống loa truyền thanh cảnh báo * 9 nữ là chủ hộ * 30 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân chưa được hướng dẫn về phòng chống thiên ta nên ý thức chủ quan còn cao * Không có ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo thiên tai * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn * Còn trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền   **Tổ chức, xã hội:**   * Thiếu được tiếp cận với loa truyền thanh xã | **Vật chất:**   * 15/168 hộ có nhà kiên cố chiếm tỷ lệ 10% * Có điều kiện phát triển kinh tế gia đình * Khu căn cứ hậu cần F8 trên địa bàn Ấp tạo điều kiện hỗ trợ cho đời sống của người dân   **Nhận thức, thái độ:**   * Có nhận thức về thiên tai tốt hơn từ sau khi ảnh hưởng Bão số 5 * Ý thức đoàn kết tương trợ tốt   **Tổ chức, xã hội:**   * Người dân có thể tiếp cận thông tin qua điện thoại * Chính quyền địa phương và đoàn thể có quan tâm công tác PCTT | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Xẻo Mấm | 105 | **Vật chất:**   * Tỷ lệ hộ gia đình có nhà thiếu kiên cố và nhà tạm cao (gần 70%) * Nhà và đất không có chủ quyền để xây dựng, đất do BQL rừng quản lý chỉ giao khoán cho người dân trồng rừng và nuôi thủy sản tối đa là 20 năm * 5 nữ là chủ hộ * 18 hộ nghèo   **Thái độ, nhận thức:**   * Người dân chưa được hướng dẫn về phòng chống thiên ta nên ý thức chủ quan còn cao * Không có ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo thiên tai * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn * Còn trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền   **Tổ chức xã hội:**   * Ít lực lượng hỗ trợ cho người dân * Hầu hết lực lượng trẻ đi làm ăn xa | **Vật chất:**   * 33/105 hộ gia đình có nhà kiên cố * Vị trí ấp giáp với xã Đất Mũi có điều kiện về nuôi trồng thủy sản để phát triển kinh tế gia đình * Có đường giao thông cấp 6 đia qua tạo điều kiện về giao thương và đi lại, sơ tán kịp thời * Có trạm loa truyền thanh thông tin cảnh báo kịp thời cho người dân   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân có nhận thức về thiên tai tốt hơn từ sau khi ảnh hưởng Bão số 5 * Ý thức đoàn kết tương trợ tốt * Hộ có nhà kiên cố sẵn sàng hỗ trợ cho các hộ nghèo đến lánh nạn khi có thiên tai   **Tổ chức, xã hội:**   * Người dân có thể tiếp cận thông tin qua điện thoại * Chính quyền địa phương và đoàn thể có quan tâm công tác PCTT | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Sắc Cò | 156 | **Vật chất:**   * 64% các hộ gia đình có nhà thiếu kiên cố và nhà tạm, thấp * Không có hệ thống loa truyền thanh cảnh báo * 11 nữ là chủ hộ * 13 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân chưa được hướng dẫn về phòng chống thiên ta nên ý thức chủ quan còn cao * Không có ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo thiên tai * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn * Còn trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền   **Tổ chức, xã hội:**   * Thiếu được tiếp cận với loa truyền thanh xã * Ít lực lượng hỗ trợ cho người dân * Hầu hết lực lượng trẻ đi làm ăn xa | **Vật chất:**   * 57/156 hộ gia đình có nhà kiên cố chiếm 36% * Vị trí ấp giáp với xã Đất Mũi có điều kiện về nuôi trồng thủy sản để phát triển kinh tế gia đình * Có đường giao thông cấp 6 đia qua tạo điều kiện về giao thương và đi lại, sơ tán kịp thời   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân có nhận thức về thiên tai tốt hơn từ sau khi ảnh hưởng Bão số 5 * Ý thức đoàn kết tương trợ tốt   **Tổ chức, xã hội:**   * Người dân có thể tiếp cận thông tin qua điện thoại * Chính quyền địa phương và đoàn thể có quan tâm công tác PCTT | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Ông Linh | 229 | **Vật chất:**   * 70 % các hộ gia đình có nhà thiếu kiên cố và nhà tạm, thấp * Không có hệ thống loa truyền thanh cảnh báo * 25 nữ là chủ hộ * 18 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân chưa được hướng dẫn về phòng chống thiên ta nên ý thức chủ quan còn cao * Không có ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo thiên tai * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn * Còn trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền   **Tổ chức, xã hội:**   * Thiếu được tiếp cận với loa truyền thanh xã * Ít lực lượng hỗ trợ cho người dân   Hầu hết lực lượng trẻ đi làm ăn xa | **Vật chất:**   * 71/229 hộ gia đình có nhà kiên cố chiếm 31% * Người dân sẵn sàng hỗ trợ sơ tán   **Nhận thức, thái độ:**   * Có ý thức cảnh giác từ cơn bão số 5 * Người dân có nhà kiên cố sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ chỗ ở sơ tán   **Tổ chức xã hội:**   * Chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo * Hệ thống thông tin qua điện thoại được phủ khắp và nhiều gia đình có điện thoại di động | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
|  | Kinh Năm | 116 | **Vất chất:**   * Ấp trên vị trí rủi ro về ngập lụt sâu và giông bão do giáp biển * Số nhà tạm và thiếu kiên cố rất nhiều chiếm tỷ lệ 75% * Không có hệ thống loa truyền thanh cảnh báo * 16 nữ là chủ hộ * 25 hộ nghèo   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân chưa được hướng dẫn về phòng chống thiên ta nên ý thức chủ quan còn cao * Không có ý thức chằng neo nhà ở khi có cảnh báo thiên tai * Chưa tiết kiệm trong tiêu dùng để chăm sóc gia đình, xây dựng nhà ở an toàn * Còn trông chờ vào sự trợ giúp của chính quyền   **Tổ chức, xã hội:**   * Ít lực lượng hỗ trợ cho người dân * Hầu hết lực lượng trẻ đi làm ăn xa | **Vật chất:**   * 29/116 hộ gia đình có nhà kiên cố chiếm 25% * Có đường sơ tán đến nơi lánh nạn tạm thời   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân có nhận thức về thiên tai tốt hơn từ sau khi ảnh hưởng Bão số 5 * Ý thức đoàn kết tương trợ tốt sẵn sàng trợ giúp cho người nghèo sơ tán an toàn   **Tổ chức, xã hội:**   * Người dân có thể tiếp cận thông tin qua điện thoại * Chính quyền địa phương và đoàn thể có quan tâm công tác PCTT | * Sập nhà, tốc mái khi có bão * Ngập nước * Hư hao tài sản trong nhà * Chết người và bị thương | *Trung bình*  *Cao*  *Thấp*  *Thấp* |
| …. | ***Ghi chú khác:*** Do tần suất bão xãy ra thấp nên ý thức chủ quan của người dân còn cao;Nước biển dâng do triều cường mỗi tháng 2 lần | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 **&B7**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các Nhà ở mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với nhà ở của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với nhà ở dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Nước biển dâng do triều cường | Ông Trang | 518 | **Vật chất:**   * 493 nhà vệ sinh tạm chiếm tỷ lệ hơn 95% * Người dân sử dụng nước từ giếng khoan không qua hệ thống xử lý * Chưa có chỗ xử lý rác thải, người dân tự chôn, đốt rác thải * Nước mặt bị ô nhiễm do rác thải   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức phòng bệnh và bảo vệ môi trường của người dân còn kém * Rác thải, vật thải nhựa khắp các nơi và tại các bải, bờ biển * Nước thải từ các trại sản xuất tôm, cua giống thải ra môi trường không được kiểm soát   **Tổ chức, xã hội:**   * Công tác tuyên truyền nâng cao ý thức về phòng bệnh và bảo vệ môi trường cho người dân chưa cao * Lực lượng cộng tác viên, tuyên truyền viên y tế hoạt động chưa hiệu quả | **Vật chất:**   * Ấp có 412 trạm và 106 giếng khoan cung cấp nước cho người dân * Tỷ lệ người dân sử dụng giếng khoan cao   **Nhận thức, thái độ:**   * Trạm y tế xã có bác sĩ và lực lượng chuyên môn được đào tạo   **Tổ chức xã hội:**   * Các tổ chức đoàn thể vận động được các doanh nghiệp, nhà hảo tâm khám chữa bệnh cho người dân | * Nguồn nước và môi trường bị ô nhiễm do rác thải | *Cao* |
| Nước biển dâng do triều cường | Ông Trang A | 184 | **Vật chất:**   * 177/184 nhà vệ sinh tạm chiếm tỷ lệ 96,2 % các hộ gia đình * Tất cả các giếng khoan và điểm cấp nước cho người dân không qua xử lý mà sử dụng trực tiếp * Chưa có chỗ xử lý rác thải * Nguồn nước mặt bị ô nhiễm cao   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức phòng bệnh và bảo vệ môi trường của người dân còn kém * Rác thải ra môi trường từ các hộ gia đình không được tập trung để xử lý * Nước thải từ các trại sản xuất tôm, cua thải ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước.   **Tổ chức, xã hội:**   * Công tác tuyên truyền vận động người dân tư nâng cao ý thức phòng bệnh và bảo vệ môi trường chưa cao * Lực lượng cộng tác viên, tình nguyện viên y tế hoạt động chưa hiệu quả * Chưa có các biện pháp kiểm tra và xử phạt theo quy định | **Vật chất:**   * 7/184 hộ có nhà vệ sinh tự hoại (tỷ lệ thấp) * 86 giếng khoan và 98 đểm cấp nước cho người dân   **Nhận thức, thái độ:**   * Trạm y tế xã có bác sĩ và lực lượng chuyên môn được đào tạo   **Tổ chức xã hội:**   * Các tổ chức đoàn thể vận động được các doanh nghiệp, nhà hảo tâm khám chữa bệnh cho người dân | Nguồn nước và môi trường bị ô nhiễm do rác thải | *Cao* |
| Nước biển dâng do triều cường | Ông Trang | 518 | **Vật chất:**   * Toàn xã có 3.026 hộ, 2.324 giếng khoan và 702 điểm cấp nước nhưng không có hộ nào được sử dụng nước máy và nguồn nước qua xử lý * 2.929 hộ gia đình sử dụng cầu vệ sinh tạm không hợp vệ sinh * Tất cả các giếng khoan và điểm cấp nước cho người dân không qua xử lý mà sử dụng trực tiếp * Chưa có chỗ xử lý rác thải * Nguồn nước mặt bị ô nhiễm cao   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức phòng bệnh và bảo vệ môi trường của người dân còn kém * Rác thải ra môi trường từ các hộ gia đình không được tập trung để xử lý * Nước thải từ các trại sản xuất tôm, cua thải ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước.   **Tổ chức, xã hội:**   * Công tác tuyên truyền vận động người dân tư nâng cao ý thức phòng bệnh và bảo vệ môi trường chưa cao * Lực lượng cộng tác viên, tình nguyện viên y tế hoạt động chưa hiệu quả * Chưa có các biện pháp kiểm tra và xử phạt theo quy định * Nguồn dịch bệnh do rác thải và sử dụng cầu vệ sinh tạm là mối nguy cơ cao nhất ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân | **Nhận thức, thái độ:**   * Trạm y tế xã có bác sĩ và lực lượng chuyên môn được đào tạo   **Tổ chức xã hội:**   * Các tổ chức đoàn thể vận động được các doanh nghiệp, nhà hảo tâm khám chữa bệnh cho người dân * Một số các tổ chức NGO đã có chương trình truyền thông vận động bảo vệ môi trường và cung cấp thùng 3 ngăn cho người dân xây dựng cầu tiêu hợp vệ sinh | Nguồn nước và môi trường bị ô nhiễm do rác thải | *Cao* |
| Ông Trang A | 184 |
| Tắc Gốc | 86 |
| Vịnh Nước Sôi | 146 |
| Vịnh Nước Sôi A | 96 |
| Xóm Biển | 197 |
| Xẻo Bè | 95 |
| So Đũa | 193 |
| Ông Bọng | 85 |
| Nguyễn Quyền | 161 |
| Bà Khuê | 190 |
| Cây Me | 216 |
| Trại Xẻo | 85 |
| Cồn Cát | 168 |
| Xẻo Mấm | 105 |
| Sắc Cò | 156 |
| Ông Linh | 229 |
| KInh Năm | 116 |
| …. | ***Ghi chú khác:*** Cộng đồng dân cư có nhiều nguy cơ cao về dịch bệnh do ý thức của người dân và việc sử dụng cầu tiêu chưa hợp vệ sinh, rác thải sinh hoạt, nước thải từ các cơ sở sản xuất. | | | | | |

## **Y tế và quản lý dịch bệnh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Nước biển dâng do triều cường | Toàn xã | 3.026 | **Vật chất:**   * Hệ thống nước sạch chưa được đầu tư đảm bảo cho người dân * Số lượng cán bộ y tế còn ít không đảm bảo khi có thiên tai xãy ra * Chưa tổ chức được lực lượng tình nguyện trong cộng đồng. * Trang thiết bị Y tế, thuốc còn thiếu * Trạm y tế xã thiếu gường điều trị bệnh * Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu * Người dân không khám sức khỏe định kỳ   **Thái độ, nhận thức:**   * Kiến thức về vê sinh phòng bệnh kém * Nhận thức về bảo vệ môi trường sống của cộng đồng còm kém   **Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh chưa được nâng cao * Môi trường sống trong điều kiện thường xuyên bị ngập nước và rác thải chưa được xử lý tốt. * Chưa có biện pháp kiểm tra, xử phạt các cơ sở vi phạm quy định về bảo vệ môi trường | **Vật chất:**   * Trạm Y tế được xây dựng năm 1980   **Thái độ, nhận thức:**   * Trạm có 2 bác sỹ (2 nam ) và 4 y sỹ đã qua đào tạo chính quy và 01 hộ sinh nữ * Mỗi ấp có một cán bộ y tế ấp | * Bệnh tiêu chảy thường xãy ra * Bệnh sốt xuất huyết * Bệnh phụ khoa của phụ nữ * Bệnh tay chân miệng | *Cao*  *Thấp*  *Cao*  *Thấp* |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5d, B9**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH**  (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng) | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  **(**Cao, Trung Bình, Thấp) |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| Nước dâng do triều cường | Ông Trang | 518 | * Trường mầm non và Trường THPT được xây dựng kiên cố nhưng thiếu phòng học | Không có | * Lớp học có nguy cơ bị hư hỏng, và ngập | Trung bình |
|  | Ông Trang A | 184 | Trường Tiểu học 1 đã xây dựng lâu và được sữa chữa nâng cấp nhưng thường xuyên bị ngập nước | Không có | * Lớp học có nguy cơ bị hư hỏng, và ngập | Trung bình |
|  | Vịnh Nước Sôi | 146 | Trường Tiểu học 2 được sữa chữa nâng cấp nhưng chưa đảm bảo trang thiết bị | Không có | * Lớp học có nguy cơ bị hư hỏng, và ngập | Trung bình |
|  | So Đũa | 193 | Trường Tiểu học 4 được sữa chữa nâng cấp nhưng xuống cấp nhiều thường xuyên bị ngập nước | Không có | * Lớp học có nguy cơ bị hư hỏng, và ngập | Trung bình |
|  | Ông Linh | 229 | Trường Tiểu học 4 được sữa chữa nâng cấp nhưng xuống cấp nhiều thường xuyên bị ngập nước | Không có | * Lớp học có nguy cơ bị hư hỏng, và ngập | Trung bình |
|  | KInh Năm | 116 | Trường Tiểu học 4 được sữa chữa nâng cấp nhưng xuống cấp nhiều thường xuyên bị ngập nước | Không có | * Lớp học có nguy cơ bị hư hỏng, và ngập | Trung bình |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5c**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực giáo dục của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y giáo dục dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Rừng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão và Giông lốc | Ông Trang | 518 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  121.55 ha rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Ông Trang A | 184 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  149.16 ha rừng đước ha rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Tắc Gốc | 86 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  177 ha rừng đước ha rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Vịnh Nước Sôi | 146 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  172.08 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Vịnh Nước Sôi A | 96 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  285.6 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Xóm Biển | 197 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  228.6 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Xẻo Bè | 95 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  141.6 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | So Đũa | 193 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  318.6 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Ông Bọng | 85 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  196.5 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Nguyễn Quyền | 161 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  320.4 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Bà Khuê | 190 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  503.2 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Cây Me | 216 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  265.5 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Trại Xẻo | 85 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  292.6 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Cồn Cát | 168 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  4137.07 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Xẻo Mấm | 105 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  228 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Sắc Cò | 156 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  245.4 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Ông Linh | 229 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  281.24 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| Bão và Giông lốc | Kinh Năm | 116 | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**  345.6 rừng đước do nhà nước giao cho người dân quản lý kết hợp nuôi trồng thủy sản 12 năm mới được khai thác rừng  **Nhận thức, thái độ:**  Người dân có kinh nghiệm trồng rừng và nuôi thủy sản nhiều năm  **Tổ chức, xã hội:**   * Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản * Nuôi thăm canh lấy thực phẩm nước tự nhiên mỗi tháng xả, xổ 2 lần * Thành lập tổ hợp tác nuôi tôm sinh thái * Mua cá giống thả thêm vào vuông | *- Cây rừng bị gãy đổ*  *- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm* | *Thấp* |
| …. | *Ghi chú khác* | | | | | |
| Hướng dẫn điền  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, B10), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng của từng loại hình thiên tai tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với rừng và quản lý rừng cộng đồng dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Trồng trọt**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Nước dâng do triều cường | Toàn xã | 3026 | **Vật chất:**   * Ngoài trồng rừng, một số hộ gia đình có trồng hoa màu nhưng không nhiều * Tranh thủ các bờ vuông để trồng hoa màu * Bờ bao thấp nhiều nguy cơ bị ngập nước   **Thái độ, nhận thức:**   * Hoa màu trồng chủ yếu phục vụ cho gia đình, chưa trở thành hàng hóa   **Tổ chức xã hội:**   * Chưa có mô hình trồng hoa màu | **Vật chất:**   * Tận dụng các bờ vuông và trồng trong các thùng sốp | Hoa màu chết do nước dâng và nhiễm mặn | Trung bình |
| …. | ***Ghi chú khác: Việc trồng hoa màu chủ yếu phục vụ cho bửa ăn của các hộ gia đình*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực trồng trọt mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực trồng trọt của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực trồng trọt dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Chăn nuôi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Nước dâng do triều cường | Toàn xã | 3.026 | **Vật chất:**   * Các hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ, * Hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường * Chăn nuôi nhỏ lẽ không đáng kể   **Nhận thức, thái dộ:**   * Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ   **Tổ chức xã hội:**   * Chưa có mô hình chăn nuôi mẫu phát triển sản xuất | **Vật chất:**   * Một số hộ gia đình tự chăn nuôi để cải thiện bửa ăn * Người dân chăn nuôi tôm, cá chiếm trên 90% các hộ gia đình   **Nhận thức, thái độ:**   * Đa số hộ có tiêm phòng cho gia súc, gia cầm * Một số hộ có kiến thức kỹ thuật chăm sóc. | Ô nhiễm môi trường  Gia súc, gia cầm nguy cơ bị chết, bị dịch bệnh | Cao |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Chăn nuôi mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Chăn nuôi của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Chăn nuôi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Thủy Sản**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão và giông lốc | Toàn xã | 3.026 hộ | **Vật chất:**   * Diện tích ao bờ bao vuông chưa kiên cố * Cải tạo, sên vét chưa thường xuyên * Giống trôi nổi   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc * Chưa quy hoạch vùng nuôi thâm canh * Những hộ thiếu chặt tỉa cây lá cây rụng xuống làm nhiễm nguồn nước | **Vật chất:**   * Người dân thả thêm giống tôm, cá và cua vào vuông để nuôi * Nguồn thức ăn tự nhiên   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân có kinh nghiệm nuôi thủy sản nhiều năm * Thực hiện cải tạo đúng lịch thời vụ   **Tổ chức, xã hội:**   * Ban quản lý rừng giao khoán diện tích cho người dân canh tác rừng kết hợp nuôi thủy sản (tôm, cua, cá) | * Bờ bao bị vỡ, hư hỏng, trôi mất thủy sản * Nguồn nước bị nhiễm do lá rừng rụng mất trắng sản lượng thủy sản | Cao  Trung bình |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thủy sản mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thủy sản của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thủy sản dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Du lịch : Không có**

## **Buôn bán và dịch vụ khác**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão và nước dâng do triều cường | Toàn xã  (chợ nhỏ tại ấp Ông Trang) | 3.026 hộ | **Vật chất:**  - Các quán bán hàng nhỏ, lẽ, chưa kiên cố  - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng  - Giao thông đi lại khó khăn  - Hàng hóa để nơi thấp  **Nhận thức, thái độ:**  **-** Thiếu kiến thức vềphòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu  - Tích trử và nâng giá  **Tổ chức xã hội:**  - Việc buôn bán tự phát phục vụ cho nhu cầu của người dân  - Xã chưa có quy hoạch chợ | **Vật chất:**  - Hàng hóa đa dạng, đáp ứng phục vụ cho nhu cầu của người dân địa phương.  **Nhận thức, thái độ:**  - Người dân có ý thức dự trử hàng hóa, lương thực và thực phẩm  **Tổ chức, xã hội:**  - Hàng hóa, thực phẩm có thể cung cấp cho người dân trong trường hợp có thiên tai | - Hàng hóa bị ướt và hư hỏng | *Trung bình* |
| …. | ***Ghi chú khác:*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão và nước dâng do triều cường | Toàn xã | 3.026 hộ | **Vật chất:**   * Hệ thống loa truyền thanh chưa được trang bị đều khắp các xã (chỉ có 7/18 ấp) * Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo qua hệ thống Loa truyền thanh còn thấp * Không có kinh phí để trang bị hệ thống loa truyền thanh khắp các xã   **Nhận thức, thái độ:**   * Người dân chưa có ý thức cao trong việc theo dõi thông tin cảnh báo qua kênh truyền hình * Ý thức chủ quan của người dân còn cao khi có thông tin cảnh báo thiên tai chờ đến khi gần đến mới chịu sơ tán do sợ mất tài sản   **Tổ chức xã hội:**   * Tỷ lệ tiếp cận thông tin của người dân còn thấp, chưa chia sẽ thôn tin với nhau trong cộng đồng * Nội dung tuyên truyền về phòng chống thiên tai chưa được đưa vào sinh hoạt trong các cuộc họp của đoàn thể, tổ chức xã hội | **Vật chất:**   * Xã được trang bị một số loa truyền thanh không dây bởi các chương trình tài trợ của tổ chức NGO * Sóng di động được phủ khắp địa bàn, 85% người dân có điện thoại di động   **Nhận thức, thái độ:**   * Thời gian cảnh báo thiên tai kịp thời * Sau khi cảnh báo có kiển tra việc phòng ngừa của người dân   **Tổ chức xã hội:**   * Các thông tin, cảnh báo thường qua kênh điện thoại từ xã đến các trưởng ấp | Hư hỏng loa truyền thanh | Cao |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B12), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão và nước dâng do triều cường | Toàn xã | 3.026 hộ | **Vật chất:**  - Chưa có phương tiện chuyên dụng phục vụ công tác sơ tán, chủ yếu dựa vào phương tiện của người dân  **Nhận thức, thái độ:**  **-** Một số thành viên BCH PCTT chưa có kỹ năng trong công tác PCTT  - BCH PCTT xã chưa có kinh nghiệm thực tiển trong công tác chỉ huy PCTT  - Công tác chỉ huy ứng phó thiên tai đôi lúc chưa kịp thời và sâu sát  - BCH PCTT Chưa có quy chế hoạt động  **Tổ chức xã hội:**  - Số lượng cán bộ y tế còn it không đảm bảo phục vụ khi có thiên tai và sự cố xãy ra  - Chưa huy động được lực lượng tình nguyện viên trong cộng đồng | **Vật chất:**  - Trụ sở UBND xã và cơ quan xã đội được nâng cấp và xây dựng năm 2010,  - Nhà văn hóa các ấp Ông Trang, Xẻo Bè, Cây Me, Bà Khuê, Nguyễn Quyền, Tắc Gốc được xây dựng 2014 đến nay với code nền theo kịch bản về BĐKH có thể làm điểm tránh trú bão  - Phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai được trang bị tương đối đảm bảo như: phao, áo phao, đèn pin, loa tay, võ máy, xe…  **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức chấp hành hướng dẫn phòng chống và sơ tán cao * Người dân có tinh thần đoàn kết sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ nhau khi có thiên tai, thiệt hại. * Đa số người dân có ý thức tự chằng chống nhà ở, dự trử lương thực, thực phẩm khi có thông tin cảnh báo   **Tổ chức, xã hội:**   * Số lượng thành phần BCH PCTT được cơ cấp đúng theo quy định * Từng thành viên được phân công trách nhiệm chỉ đạo các ấp   - Được tập huấn thường xuyên về kiến thức PCTT thông qua các chương trình và dự án   * Đảm bảo việc cung cấp lương thực và thực phẩm cho người dân khi có thiên tai   - Chính quyền và các đòan thể, tổ chức xã hội kịp thời thăm hỏi và vận động cứu trợ lương thực, hàng hóa cho người dân bị thiệt hại thiên tai   * Người dân được tuyên truyền về công tác PCTT | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Giới trong PCTT và BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão | Ông Trang | 518 hộ  -72 nữ là chủ hộ  - 40 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Ông Trang A | 184 hộ  - 17 nữ là chủ hộ  - 16 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều. * Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
| …. | Tắc Gốc | 86 hộ  - 6 nữ là chủ hộ  -7 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Vịnh Nước Sôi | 146  -12 nữ là chủ hộ  - 20 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Vịnh Nước Sôi A | 96  - 7 nữ là chủ hộ  - 10 | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Xóm Biển | 197  -29 nữ là chủ hộ  -50 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Xẻo Bè | 95 hộ  - 03 nữ là chủ hộ  -22 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | So Đũa | 193 hộ  - 16 nữ là chủ hộ  -18 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Ông Bọng | 85 hộ  - 04 nữ là chủ hộ  -8 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Nguyễn Quyền | 161 hộ  - 15 nữ là chủ hộ  -8 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Bà Khuê | 190 hộ  - 21 nữ là chủ hộ  -10 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Cây Me | 216 hộ  -24 nữ là chủ hộ  -9 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Trại Xẻo | 85 hộ  -4 nữ là chủ hộ  -9 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Cồn Cát | 168 hộ  -9 nữ là chủ hộ  -30 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Xẻo Mấm | 105 hộ  -5 nữ là chủ hộ  -18 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Sắc Cò | 156 hộ  - 11 nữ là chủ hộ  -13 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Ông Linh | 229 hộ  -25 nữ là chủ hộ  -18 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | KInh Năm | 116 hộ  -16 nữ là chủ hộ  -25 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Ông Trang | 518 hộ  -72 nữ là chủ hộ  - 40 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Ông Trang A | 184 hộ  -17 nữ là chủ hộ  - 16 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Tắc Gốc | 86 hộ  -6 nữ là chủ hộ  -7 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Vịnh Nước Sôi | 146 hộ  -12 nữ là chủ hộ  - 20 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Vịnh Nước Sôi A | 96 hộ  -7 nữ là chủ hộ  - 10 | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Xóm Biển | 197 hộ  -29 nữ là chủ hộ  -50 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Xẻo Bè | 95 hộ  -3 nữ là chủ hộ  -22 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | So Đũa | 193 hộ  -16 nữ là chủ hộ  -18 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Ông Bọng | 85 hộ  -4 nữ là chủ hộ  -8 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Nguyễn Quyền | 161 hộ  -15 nữ là chủ hộ  -8 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Bà Khuê | 190 hộ  -21 nữ là chủ hộ  -10 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Cây Me | 216 hộ  -24 nữ là chủ hộ  -9 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Trại Xẻo | 85 hộ  -4 nữ là chủ hộ  -9 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Cồn Cát | 168 hộ  -9 nữ là chủ hộ  -30 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Xẻo Mấm | 105 hộ  -5 nữ là chủ hộ  -18 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Sắc Cò | 156 hộ  -11 nữ là chủ hộ  -13 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | Ông Linh | 229 hộ  -25 nữ là chủ hộ  -18 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | KInh Năm | 116 hộ  -16 nữ là chủ hộ  -25 hộ nghèo | **Vật chất:**   * Hầu hết nhà ở đều thiếu kiên cố * Tỷ lệ số hộ có cầu tiêu hợp vệ sinh thấp * Nguồn nước sử dụng chưa qua xử lý.   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai * Thiếu ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Lực lượng trẻ tại địa phương ít do phải tìm việc làm ở ngoài địa phương * Hoạt động ứng phó thiên tai ít có nữ tham gia * Vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng * Giới chưa được hướng dẫn cụ thể trong công tác PCTT * Hiệu quả hoạt động trong từng lĩnh vực giới chưa được phân bố đồng đều.   Chưa dược tập huấn về công tác phòng chống và ứng phó thiên tai | **Vật chất:**  **-** Một số hộ có nhà kiên cố, trường học, trụ sở cơ quan làm điểm tránh trú bão  **Tổ chức xã hội:**   * Vai trò giới từng bước được điều chỉnh cho hợp lý trong công tác PCTT * Khi có thiên tai:   + Nam giới thực hiện chằng neo nhà, gia cố bờ bao, sơ tán trẻ em và người già đền nơi an toàn  +Nữ giới thu gom đồ đạc, kê đồ đạc trong nhà lên cao và chuẩn bị thức ăn, nước uống | *- Nhà sập, tốc mái*  *- Cây rừng gãy đổ*  *- Người bị thương*  *- Hư hỏng hệ thống điện*  *- Đường giao thông ngập nước*  *- Hoa màu hư chết*  *- Tôm chết và tràn ra ngoài* | *Cao*  *Thấp*  *Thấp*  *Trung bình*  *Trung bình*  *Cao*  *Cao* |
|  | ***Ghi chú khác*** | ***Ghi chú khác*** |  |  |  |  |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền***  Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)  Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Giới trong Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH mà xã/thôn đã có  Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH của ***từng loại hình thiên tai*** tại từng thôn  Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) | | | | | | |

## **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác: Không có**

# **Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp**

* Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

| **Thứ tự ưu tiên** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **TTDBTT** | **Nguyên nhân** | **Giải pháp** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| **Lĩnh vực an toàn cộng đồng:** | | | | |
| 07 | **Nhà sập, tốc mái** | **Vật chất:**   * Tỷ lệ nhà kiên cố nhưng không có khả năng ứng phó với bão có cường độ mạnh cấp 11 trở lên * Còn hơn 80% nhà thiếu kiên cố * Ít điểm tránh trú bão, nhà không xây dựng hầm tránh trú * Mái nhà và kết cầu nhà chưa đúng tiêu chuẩn an toàn với Bão * Thiếu điều kiện và tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ cho việc xây dựng nhà ở an toàn * Kết cầu nhà ở chủ yếu bằng tole, hoặc vật iệu địa phương như đước, vẹc; ít có nhà xây, nhà được cất trên cột trụ gỗ hoặc xi măng đễ có nguy cơ tốc, đỗ * Thiếu điều kiện để xây dựng nhà ở kiên cố hơn * Người dân không có chủ quyền đất vì đất do Ban Quản lý rừng quản lý và hợp đồng khoán cho người dân canh tác 20 năm   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức chủ quan của người dân còn cao, không chủ động chằng neo nhà ở khi có thông tin cảnh báo * Chưa có ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng để kiên cố nhà ở   **Tổ chức xã hội:**   * Chưa được quy hoạch dân cư để giảm nhẹ rủi ro thiên tai * Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng còn hạn chế | **Vật chất:**   * Kinh tế gia đình còn thấp, chưa đủ kinh phí xây dựng nhà kiên cố, mua sắm vật tư.   **Nhận thức, thái độ:**   * Do tập quán sinh sống kết hợp với sinh kế của người dân * Chủ quan chưa ý thức được thiệt hại,hậu quả của thiên tai. * Chưa được tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng chằng chống nhà cửa * Nhận thức của người dân còn hạn chế, còn chủ quan. * Không nhận thức đầy đủ tác dụng của việc trồng cây xung quanh nhà ở * Chưa có ý thức chằn chống nhà cửa   **Tổ chức, xã hội:**   * Thiếu kiểm tra thực tế về PCTT. * Quy hoạch chưa tính tới tác động của BĐKH, tuyến dân cư còn thấp, dễ bị ngập khi nước dâng * Công tác tuyên truyền chưa đảm bảo * Hệ thống thông tin, cảnh báo sớm chưa hoàn thiện * Địa bàn trải rộng, dân cư phân bố chưa tập chung. * Khai thác sử dụng cây rừng chưa hợp lý | **Giải pháp công trình:**   * Hỗ trợ người dân xây cất nhà kiên cố * Hỗ trợ vật tư chằng chống nhà cửa. * Quy hoạch lại hệ thống bờ bao có tính tới tác động của BĐKH * Xây dựng nhà tránh trú cộng đồng * Vận động thực hiện trồng cây gây rừng, mở rộng diện tích che chắn của cây * Lắp đặt hệ thống loa trên toàn địa bàn các ấp để kịp thời đưa tin cảnh báo   **Giải pháp phi công trình:**   * Tăng cường công tác tuyên truyền về PCTT và BĐKH, chủ động trong việc PCTT. * Tập huấn kỹ năng chằng néo nhà cửa; nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương * Xây dựng, củng cố lực lượng thực hiện công tác PCTT tại địa phương * Vận động, kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ người dân xây dựng nhà cửa kiên cố, đảm bảo giảm thiểu ảnh hưởng của nước dâng * Kêu gọi, đề xuất tái phân bổ ngân sách nhằm nâng cấp hệ thống thông tin đảm bảo thông tin tới được toàn bộ người dân * Tuyên truyền về phòng chống thiên tai để người dân nâng cao nhận thức tự giác, chủ động ứng phó * Có ý thức chằn chống nhà cửa * Thường xuyên theo dõi diễn biến của khí hậu thời tiết, nắm tình hình từ công tác truyền thông, thống kê lịch sử thiên tai từ đó rút ra xu hướng thiên tai để kịp thời phòng tránh. |
| 06 | **Giao thông đi lại gặp khó khăn** | **Vật chất:**   * Đường giao thông hẹp * Một số đoàn đường bị ngập nước làm xói lở   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu ý thức xây dựng phát triển địa phương và bảo vệ các đường giao thông đi lại   **Tổ chức xã hội:**   * Xã chưa đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới | **Vật chất:**   * Lộ kém chất lượng, nền móng yếu * Xã không đảm bảo kinh phí cho việc duy tu, sửa chữa   **Nhận thức, thái độ:**   * Không tự bảo quản đoạn lộ trước nhà, hư để nhà nước sửa chữa * Người dân không đồng tình ủng hộ cùng nhà nước XD Lộ GTNT * Đào bới làm cống tự phát, bắt cua, Chem Chép. * Xe quá tải vào tuyến lộ nhỏ   **Tổ chức, xã hội:**   * Chỉ quan tâm khảo sát những tuyến được đầu tư mới * Xem việc duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng, điện đường là trách nhiệm của cơ quan nhà nước | **Giải pháp công trình:**   * Đầu tư sửa chữa nâng lộ cao. * Người dân tự gia cố đất trước mặt tiền nhà * Làm móng, nền sâu đảm bảo chất lượng * Hỗ trợ nguồn vốn nâng cấp sữa chữa các đoạn lộ hư hỏng nặng * Thường xuyên chất lượng công trình * Đầu tư sửa chữa nâng lộ cao, chống ngập * Be bờ cao trước khi nước dâng, Sửa chữa lại những đoạn lộ thấp.   **Giải pháp phí công trình:**   * Tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức, trách nhiệm tự bảo quản * Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, kêu gọi các đơn vị đầu tư * Cấm xe quá tải, kè thêm bờ * Tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức, trách nhiệm tự bảo quản * Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, kêu gọi các đơn vị đầu tư * Hỗ trợ nguồn vốn nâng cấp sữa chữa các đoạn lộ hư hỏng nặng |
| 16 | **Cột điện bị ngã đổ** | **Vật chất:**   * Cột điện và trụ điện của viễn thông trên các vùng đất yếu * Hệ thống điện yếu, đầu tư tạm bợ không chắc chắn, chưa được đầu tư cơ bản, đồng bộ * Tình trạng sử dụng điện chia hơi còn nhiều, * Cột điện kéo tạm không chất lượng.   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức của cộng đồng chưa cao | **Vật chất:**   * Không có nguồn kinh phí để đầu tư   **Nhận thức và thái độ:**   * Thiếu kiểm tra thường xuyên để củng cố, sửa chữa   **Tổ chức xã hội:** | **Giải pháp công trình:**   * Đầu tư kinh phí kéo điện về các ấp xa * Thường xuyên kiểm tra hệ thống cột, trụ, dây điện   **Giải pháp phi công trình:**   * Tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân bảo vệ hệ thống điện * Huy động sự đóng góp của cộng đồng trong việc nâng cấp, kéo điện về các ấp xa |
| **Lĩnh vực y tế, vệ sinh, nước sạch và môi trường** | | | | |
| 05 | **Nguồn nước và môi trường bị ô nhiễm** | **Vật chất:**   * Toàn xã có 3.026 hộ, 2.324 giếng khoan và 702 điểm cấp nước nhưng không có hộ nào được sử dụng nước máy và nguồn nước qua xử lý * 2.929 hộ gia đình sử dụng cầu vệ sinh tạm không hợp vệ sinh * Tất cả các giếng khoan và điểm cấp nước cho người dân không qua xử lý mà sử dụng trực tiếp * Chưa có chỗ xử lý rác thải * Nguồn nước mặt bị ô nhiễm cao * Tỷ lệ hộ gia đình có cầu tiêu hợp vệ sinh rất thấp * Người dân sử dụng nước từ giếng khoan không qua hệ thống xử lý * Chưa có chỗ xử lý rác thải, người dân tự chôn, đốt rác thải * Nước mặt bị ô nhiễm do rác thải   **Nhận thức, thái độ:**   * Ý thức phòng bệnh và bảo vệ môi trường của người dân còn kém * Rác thải ra môi trường từ các hộ gia đình không được tập trung để xử lý * Nước thải từ các trại sản xuất tôm, cua thải ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước.   **Tổ chức, xã hội:**   * Lực lượng cộng tác viên, tuyên truyền viên y tế hoạt động chưa hiệu quả * Công tác tuyên truyền vận động người dân tư nâng cao ý thức phòng bệnh và bảo vệ môi trường chưa cao * Chưa có các biện pháp kiểm tra và xử phạt theo quy định * Nguồn dịch bệnh do rác thải và sử dụng cầu vệ sinh tạm là mối nguy cơ cao nhất ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân | **Vật chất:**   * Không có tiền xây dựng nhà vệ sinh hợp vệ sinh, cầu tạm trên sông nhiều * Không có bãi xử lý rác * Hộ sản xuất kinh doanh không xử lý nước thải xuống sông * Không biết cách xử lý rác * Không có bồn chứa nước sạch để sinh hoạt, * Kinh tế khó khăn * Chuồng trại không hợp vệ sinh   **Nhận thức, thái độ:**   * Thói quen sinh hoạt hằng ngày. * Kinh phí không đảm bảo * Kỹ năng hạn chế chưa tuyêntruyền, nhận biết các loại dịch bệnh thường gặp   **Tổ chức xã hội:**   * Tuyên truyền vận động chưa hiệu quả * Chưa có biện pháp xử phạt hành chính | **Giải pháp công trình:**   * Hỗ trợ vốn xây dựng giếng khoan, xây dựng nhà vệ sinh * Quy hoạch bãi xử lý rác * Vay vốn xây dựng nhà vệ sinh, bồn chứa nước sạch   **Giải pháp phi công trình:**   * Cơ sở sản xuất tôm, cua giống phải có bồn xử lý nước thải * Tuyên truyền vận động hộ gia đình giữ gìn vệ sinh chung * Hỗ trợ bồn chứa nước sạch để sinh hoạt * Tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, dọn dẹp vệ sinh khu vực nhà ở, đốt rác, làm cỏ * Hướng dẫn cách xử lý phân loại rác * Thường xuyên hướng dẫn tuyên truyền xử lý rác * Kêu gọi đầu tư xây dựng đài nước * Tuyêntruyền cách nhận biết các loại dịch bệnh thường gặp ở trẻ em. |
| 09 | * Bệnh tiêu chảy thường xãy ra * Bệnh sốt xuất huyết * Bệnh phụ khoa của phụ nữ * Bệnh tay chân miệng | **Vật chất:**   * Hệ thống nước sạch chưa được đầu tư đảm bảo cho người dân * Số lượng cán bộ y tế còn ít không đảm bảo khi có thiên tai xãy ra * Trang thiết bị Y tế, thuốc còn thiếu * Trạm y tế xã thiếu gường điều trị bệnh * Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu * Người dân không khám sức khỏe định kỳ   **Thái độ, nhận thức:**   * Kiến thức về vê sinh phòng bệnh kém * Nhận thức về bảo vệ môi trường sống của cộng đồng còm kém   **Tổ chức xã hội:**   * Chưa tổ chức được lực lượng tình nguyện trong cộng đồng. * Công tác tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh chưa được nâng cao * Môi trường sống trong điều kiện thường xuyên bị ngập nước và rác thải chưa được xử lý tốt. * Chưa có biện pháp kiểm tra, xử phạt các cơ sở vi phạm quy định về bảo vệ môi trường | **Vật chất:**   * Kinh tế người dân còn khó khăn * Thiếu nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động chăm sóc sức khỏe cho ngườii dân * Cơ sở y tế khám chữa bệnh xa xã * Hệ thống loa truyền thanh chưa phủ toàn xã   **Thái độ nhận thức:**   * Công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe còn yếu   **Tổ chức xã hội:**   * Các nội dung về tuyên truyền bảo vệ chức khỏe chưa đưa vào nội dung sinh hoạt của các đoàn thể * Thiếu các lực lượng Tình nguyện viên và chưa có tổ chức nòng cốt trong cộng đồng | **Giải pháp công trình:**   * Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa trang bị thiết bị cho cơ sở y tế xã * Tăng cường lắp đặt hệ thống loa truyền thanh phủ khắp toàn xã * Tăng cường tổ chức các cụm, điểm pano tuyên truyền   **Giải pháp phi công trình:**   * Tăng cường công tác tuyên truyền * Y tế đưa chương trình phát thanh hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho cộng đồng * Tập huấn kiến thức phòng ngừa dịch bệnh cho người dân |
| **Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ** | | | | |
| 19 | **- Cây rừng bị gãy đổ**  **- Lá cây rụng nguồn nước bị nhiễm làm chết tôm** | **Vật chất:**   * Người dân không được làm chủ và được nhà nước khoán theo tỷ lệ diện tích 7 rừng và 3 tôm   **Nhận thức, thái độ:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, phụ thuộc vào tự nhiên * Một số hộ dân thiếu quan tâm đến việc chăm sóc, chặt tỉa cây cành khi có giông lốc   **Tổ chức xã hội:**   * Việc trồng rừng và nuôi trồng thủy sản còn phụ thuộc vào từng cá nhân và hộ gia đình * Chưa phát triển mô hình hợp tác | **Vật chất:**   * Đất rừng do nhà nước quản lý chỉ giao khoán cho người dân canh tác   **Thái độ, nhận thức:**   * Việc canh tác trồng rừng và nuôi tôm theo truyền thống lâu đời * Không thường xuyên thăm rừng và vuông tôm * Ít lao động   **Tổ chức, xã hội:**   * Chưa có chính sách khuyến khích người dân sản xuất theo mô hình hợp tác * Cây đước có giá trị kinh tế thấp | **Giải pháp phi công trình:**   * Người dân tăng cường thâm canh bằng việc mua thêm giống cá, tôm, cua thả vào * Thường xuyên chăm sóc vuông và kịp thời chặt tỉa cành tránh gãy đổ trước thiên tai * Nhà nước có chính sách khuyến khích người dân tổ chức hợp tác trong sản xuất và chăn nuôi * Nghiên cứu mô hình nâng cao giá trị kinh tế của cây đước |
| 13 | **Hư hại hoa màu** | **Vật chất:**   * Ngoài trồng rừng, một số hộ gia đình có trồng hoa màu nhưng không nhiều * Tranh thủ các bờ vuông để trồng hoa màu * Bờ bao thấp nhiều nguy cơ bị ngập nước   **Thái độ, nhận thức:**   * Hoa màu trồng chủ yếu phục vụ cho gia đình, chưa trở thành hàng hóa * Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai   **Tổ chức xã hội:**  Chưa có mô hình trồng hoa màu | **Vật chất:**   * Không có đất để trồng hoa màu * Vùng đất nước mặn, lợ | **Giải pháp phi công trình:**   * Tận dụng đất xung quanh nhà và các bờ bao để trồng hoa màu * Gia cố nâng cấp bờ bao tránh ngập tràn |
| 12 | **Dịch bệnh và Chết vật nuôi (gia súc gia cầm)** | **Vật chất:**   * Các hộ chăn nuôi chuồng trại tạm bợ, * Hệ thống thoát nước chưa có còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường * Chăn nuôi nhỏ lẽ không đáng kể   **Nhận thức, thái dộ:**   * Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi tự phát, nhỏ lẻ   **Tổ chức xã hội:**  Chưa có mô hình chăn nuôi mẫu phát triển sản xuất | **Nhận thức, thái độ**   * Ý thức phòng ngừa dịch bệnh gia súc gia cầm kém   **Tổ chức, xã hội:**   * Chưa có biện pháp tuyên truyền và xử phạt hiệu quả | **Tổ chức, xã hội:**   * Tuyên truyền, hướng dẫn việc phòng ngừa dịch bệnh * Xử phạt theo quy định đối với những hộ vi phạm về bảo vệ môi trường |
| 02 | **Tôm chết và tràn ra do vỡ bờ bao** | **Vật chất:**   * Diện tích ao bờ bao vuông chưa kiên cố * Cải tạo, sên vét chưa thường xuyên * Giống trôi nổi   **Nhận thức, thái độ:**   * Thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc * Chưa quy hoạch vùng nuôi thâm canh * Những hộ thiếu chặt tỉa cây lá cây rụng xuống làm nhiễm nguồn nước | **Vật chất:**   * Bờ bao nhỏ, không có tiền gia cố, không đắp bờ * Trang thiết bị không đủ * Cơ giới để gia cố nâng cấp bờ bao không kịp thời * Điều kiện kinh tế không có để nâng cấp tôn tạo. * Bờ bao mỏng, không đủ đất không gia cố   **Tổ chức, xã hội:**   * Đất rừng muốn gia cố phải được BQL rừng quản lý đồng ý mới đưa cơ giới vào cải tạo nâng cấp * Kinh phí phục vụ tuyên truyền từng lĩnh vực không đảm bảo | **Giải pháp phi công trình:**   * Kiểm tra thường xuyên bờ bao, chủ động gia cố, đắp đất cao chống ngập * Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở người dân   **Giải pháp công trình:**   * Gia cố bờ bao, nâng nền nhà, di dời tài sản, trồng cây, hỗ trợ giống cây * Xây dựng đê ngăn triều cường ở những vị trí trọng yếu dễ bị vỡ khi xảy ra triều cường. * Gia cố bờ bao không để nước tràn vào vuông gây ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi * Xây dựng đê ngăn triều cường ở những vị trí trọng yếu dễ bị vỡ khi xảy ra triều cường * Gia cố bờ bao không để nước tràn vào vuông gây ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi * Trồng nhiều rừng chống xối mòn, sạc lỡ, gia cố bờ bao |
| 13 | **Hàng hóa bị hư ướt** | **Vật chất:**  - Các quán bán hàng nhỏ, lẽ, chưa kiên cố  - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng  - Giao thông đi lại khó khăn  - Hàng hóa để nơi thấp  **Nhận thức, thái độ:**  **-** Thiếu kiến thức vềphòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu  - Tích trử hàng hóa và nâng giá  **Tổ chức xã hội:**  - Việc buôn bán tự phát phục vụ cho nhu cầu của người dân  - Xã chưa có quy hoạch chợ | **Vật chất:**   * Nên nhà ở thấp dễ bị ngập * Không có kệ, gác để kê kích đồ đạc lên cao   **Nhận thức, thái độ:**   * Công tác tuyên truyền, vận động chưa cao   **Tổ chức, xã hội:**   * Chưa có các cơ sở HTX, nhà nước cung cấp hàng hóa phục vụ nhu cầu của người dân | **Giải pháp phi công trình:**   * Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền vận động và hướng dẫn cho người dân các biện pháp phòng ngừa   **Giải pháp công trình:**   * Quy hoạch xây dựng chơ tập trung |
| **Yêu cầu bắt buộc:** | ***Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã:***   * Các tổ chức xã hội và đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về rủi ro thiên tai cho cả Nam và nữ về phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH * Huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác phòng chống rủi ro thiên tai có tính để tỷ lệ nam và nữ (50/50) * Chú ý đến các thiệt hại do thiên tai gây ra đối với Nam và nữ, trẻ em trai và gái. | | | |
| ***Lưu ý khác:*** | | | | |
| ***Hướng dẫn điền:*** | | | | |

1. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm ngành/lĩnh vực (\*)** | **Các giải pháp đề xuất (\*\*)** | **Địa điểm và đối tượng hưởng lợi** | **Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp**  **(\*\*\*\*)** | **Thời gian dự kiến** | | **Nguồn ngân sách dự kiến** |
| **Ngắn hạn** *(thời thực hiện dưới 2 năm)* | **Dài hạn** *(thời gian thực hiện trên 2 năm)* |
| An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới | **Giải pháp công trình:**  Hỗ trợ người dân xây cất nhà kiên cố | Toàn xã | * Thực hiện chương trình chính sách nhà ở cho người dân * Vận động xã hội hóa * Cho vay từ ngân hàng chính sách | X  X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động  Vôn ngân hàng |
|  | Hỗ trợ vật tư chằng chống nhà cửa. | Toàn xã | * Vận động người dân trợ giúp nhau * Sử dụng vật liệu, cây rừng tại địa phương | X  X |  | Vận động trong dân |
|  | Quy hoạch lại hệ thống bờ bao có tính tới tác động của BĐKH | Toàn xã | * Sử dụng bản đồ quy hoạch chung của xã * Vận động người dân cùng tham gia * Ban quản lý rừng phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện quy hoạch |  | X  X  X | Ngân sách nhà nước |
|  | Xây dựng nhà tránh trú cộng đồng | Toàn xã | * Nhà nước và nhân dân cùng làm * Vận động sự đóng góp của các tổ chức xã hội * Nhà nước có quy hoạch đất xây dựng công trình kết hợp hoạt động da năng |  | X  X  X | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Vận động thực hiện trồng cây gây rừng, mở rộng diện tích che chắn của cây | Toàn xã | * Ban Quản lý rừng giao đất cho người dân canh tác và có chính sách khuyến khích |  | X | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Lắp đặt hệ thống loa trên toàn địa bàn các ấp để kịp thời đưa tin cảnh báo | Toàn xã | * Quy hoạch khu vực dân cư tập trung * Vận động đóng góp của các tổ chức hảo tâm * Sử dụng nguồn ngân sách dự phòng để trang bị hệ thống loa không dây | X  X | x | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | **Giải pháp phi công trình:**  Tăng cường công tác tuyên truyền về PCTT và BĐKH, chủ động trong việc PCTT | Toàn xã | * BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phân công phụ trách các ấp để thực hiện tuyên truyền * Sử dụng tài liệu tuyên truyền về Quản lý rủi ro thiên tai DVCĐ để sinh hoạt trpng các tổ chức đoàn thể, xã hội * Tổ chức lực lượng tuyên truyền viên về phòng ngừa ứng phó thiên tai và BĐKH | X  X  x |  | Đóng góp của các đoàn thể, tổ chức xã hội |
|  | Tập huấn kỹ năng chằng néo nhà cửa; nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương | Toàn xã | * Tổ chức các Tổ PCTT tại các ấp và tập huấn kiến thức kỹ năng PCTT để hỗ trợ người dân khi cần thiết * Hướng dân, phổ biến cho người dân cách chằng neo nhà ở đúng kỹ thuật | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Xây dựng, củng cố lực lượng thực hiện công tác PCTT tại địa phương | Toàn xã | * Mỗi đoàn thể, tổ chức xã hội vận động đoàn viên, hội viên tham gia * Tập huấn kiến thức và kỹ năng PCTT cho đoàn viên, hội viên | X  X |  | Đóng góp của các đoàn thể, tổ chức xã hội |
|  | Vận động, kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ người dân xây dựng nhà cửa kiên cố, đảm bảo giảm thiểu ảnh hưởng của nước dâng | Toàn xã | * Tổ chức các tổ hùn vốn xoay vòng trong hội viên các đoàn thể để giúp nhau * Sử dụng nguồn vốn vay của ngân hàng để nâng cao nên nhà * Vận động các tổ chức từ thiện hỗ trợ người nghèo sửa chữa nâng cao nên nhà ở | X  X  X |  | Vận động đóng góp |
|  | Kêu gọi, đề xuất tái phân bổ ngân sách nhằm nâng cấp hệ thống thông tin đảm bảo thông tin tới được toàn bộ người dân | Toàn xã | * Vận động đóng góp của các tổ chức hảo tâm * Sử dụng nguồn ngân sách dự phòng để trang bị hệ thống loa không dây * Vận động người dân có tàu đánh bắt ngoài biển trang bị hệ thống thông tin liên lạc | X  X  X |  | Vận động đóng góp |
|  | Tuyên truyền về phòng chống thiên tai để người dân nâng cao nhận thức tự giác, chủ động ứng phó | Toàn xã | * Sử dụng các tài liệu đã được tập huấn về phòng chống thiên tai để hướng dẫn cho người dân trong các cuộc họp dân * Tuyên truyền bằng các tờ rơi, tranh lật của các tổ chức đoàn thể về PCTT | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tuyên truyền nâng cao ý thức chằng chống nhà cửa | Toàn xã | * Huy động lực lượng tình nguyện viên hướng dẫn cho cộng đồng các biện pháp chằng neo nhà ở trước mùa thiên tai * Thường xuyên kiểm tra và nhắc nhở người dân chằng neo nhà ở | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Thường xuyên theo dõi diễn biến của khí hậu thời tiết, nắm tình hình từ công tác truyền thông, thống kê lịch sử thiên tai từ đó rút ra xu hướng thiên tai để kịp thời phòng tránh. | Toàn xã | * Hướng dẫn, cung cấp thông tin về dự báo thiên tai trên các phương tiện loa tay, loa truyền thanh, tin nhắn qua điện thoại | X |  | Đóng góp của các đoàn thể, tổ chức xã hội |
| **Hạ tầng công cộng** | **Giải pháp công trình:**  Đầu tư sửa chữa nâng lộ cao. | Toàn xã | * Người dân đắp bờ hai bên, nhà nước làm lộ | x |  | Đóng góp của các đoàn thể, tổ chức xã hội |
|  | Người dân tự gia cố đất trước mặt tiền nhà | Toàn xã | * Tuyên truyền ý thức về phòng chống thiên tai cho người dân | x |  | Đóng góp của các đoàn thể, tổ chức xã hội |
|  | Làm móng, nền sâu đảm bảo chất lượng | Toàn xã | * Kiểm tra thường xuyên chất lượng làm lộ giao thông * Người dân được công khai về quy hoạch, công trình xây dựng |  | X  X | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Hỗ trợ nguồn vốn nâng cấp sữa chữa các đoạn lộ hư hỏng nặng | Toàn xã | * Vận động nhân dân và nhà nước cùng làm * Kịp thời sửa chữa ngay khi lộ bị xói tránh bị hư hỏng nhiều hơn theo thời gian | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Đầu tư sửa thường xuyên chất lượng công trình | Toàn xã | * Địa phương kịp thời báo cáo cho ngành chức năng khi lộ giao thông bị hư, xói * Người dân và chính quyền địa phương được tham gia kiểm tra việc thi công công trình | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Chữa nâng lộ cao, chống ngập | Toàn xã | * Khơi thông những nơi ngập nước * Vận động người dân cùng tham gia sửa chữa nâng cao lộ | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Be bờ cao trước khi nước dâng, Sửa chữa lại những đoạn lộ thấp. | Toàn xã | * Huy động sự tham gia của người dân be bờ hai bên lên cao khi làm lộ * Vận động người dân sửa chữa đường hư trước nhà | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | **Giải pháp phí công trình:**  Tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức, trách nhiệm tự bảo quản | Toàn xã | * Thường xuyên tuyên truyền trong các cuộc họp dân * Các đoàn thể, tổ chức xã hội xây dựng nội dung sinh hoạt cho đoàn viên, hội viên mình | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, kêu gọi các đơn vị đầu tư | Toàn xã | * Phát động và vận các công trình bằng sự đóng góp nhân dân và nhà nước cùng làm | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Cấm xe quá tải, kè thêm bờ | Toàn xã | * Làm các rào cản để xe tải không vào được các đường hư làm xói lở thêm * Người dân 2 bên đường gia cố đắp thêm bờ bảo vệ đường | X  x |  |  |
|  | Tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức, trách nhiệm tự bảo quản | Toàn xã | * Thường xuyên tuyên truyền vận động người dân bảo vệ, tu bổ đường lộ * Thành lập lực lượng tình nguyện bảo vệ và kịp thời sửa chữa đường lộ | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, kêu gọi các đơn vị đầu tư | Toàn xã | * Vận động nhà nước và nhân dân cùng làm * Vận động các doanh nghiệp cơ sở sản xuất trên xã tham gia đóng góp kinh phí | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Hỗ trợ nguồn vốn nâng cấp sữa chữa các đoạn lộ hư hỏng nặng | Toàn xã | * Vận động nhà nước và nhân dân cùng làm * Vận động các doanh nghiệp cơ sở sản xuất trên xã tham gia đóng góp kinh phí | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Công trình thủy lợi** | **Không có** | Toàn xã |  |  |  |  |
| **Nhà ở** | **Giải pháp công trình:**  Hỗ trợ người dân xây cất nhà kiên cố | Toàn xã | * Hỗ trợ người dân bằng các chính sách bề nhà ở * Vận động các tổ chức xã hội trợ giúp người dân * Tổ chức các tổ huy động vốn xoay vòng | X  X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Hỗ trợ vật tư chằng chống nhà cửa. | Toàn xã | * Sử dụng cây được tại dịa phương * Tổ chức lực lượng tình nguyện viên vận động trợ giúp người nghèo khó khăn về nhà ở | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Quy hoạch lại hệ thống bờ bao có tính tới tác động của BĐKH | Toàn xã | * Nâng cao bờ bao bằng các nguồn lực tại địa phương * Hướng dẫn người dân gia cố bờ bao vượt trên các mức nước tràn, ngập | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Xây dựng nhà tránh trú cộng đồng | Toàn xã | * Vận động các tổ chức hảo tâm và huy động đóng góp của cộng đồng * Đề xuất sử dụng nguồn ngân sách dự phòng và quỹ phòng chống thiên tai để thực hiện * Nhà tránh trú bão kết hợp các hoạt động đa năng khác | X  X | x | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Vận động thực hiện trồng cây gây rừng, mở rộng diện tích che chắn của cây | Toàn xã | * Thực hiện các chính sách khuyến khích người dân trồng thêm rừng * Tìm nguồn đầu ra có giá trị cao cho cây đước * Phát huy mô hình trồng rừng kết hợp nuôi tôm, cua, cá | X  X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | **Giải pháp phi công trình:**  Tăng cường công tác tuyên truyền về PCTT và BĐKH, chủ động trong việc PCTT. | Toàn xã | * Các tổ chức đoàn thể, xã hội tăng cường các buổi sinh hoạt chủ đề * Hướng dẫn người dân các biện pháp phòng ngừa và ứng phó thiên tai * Biên soạn các tài liệu phát tay về PCTT và ứng phó BĐKH * Tổ chức các hoạt động diễn tập ứng phó thiên tai | X  X  X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tập huấn kỹ năng chằng néo nhà cửa; nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương | Toàn xã | * Biên soạn các tài liệu phát tay về PCTT và ứng phó BĐKH * Thường xuyên tập huấn và tuyên truyền hướng dẫn cách chằng neo nhả ở cho cộng đồng | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Xây dựng, củng cố lực lượng thực hiện công tác PCTT tại địa phương | Toàn xã | * Xây dựng lực lượng, tổ phòng chống thiên tai ở mỗi ấp * Tập huấn kiến thức về PCTT thường xuyên cho | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Vận động, kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ người dân xây dựng nhà cửa kiên cố, đảm bảo giảm thiểu ảnh hưởng của nước dâng | Toàn xã | * Hỗ trợ bằng các chính sách nhà ở cho người dân * Xây dựng Tổ tín dụng trong người dân để hỗ trợ nhau vốn sửa chữa nâng cấp nhà ở | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Kêu gọi, đề xuất tái phân bổ ngân sách nhằm nâng cấp hệ thống thông tin đảm bảo thông tin tới được toàn bộ người dân | Toàn xã | * Đề xuất sử dụng nguồn kinh phí dự phòng và Qũy phòng chống thiên tai * Dành nguồn kinh phí hàng năm cho việc trang bị hệ thống loa truyền thanh | X  X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tuyên truyền về phòng chống thiên tai để người dân nâng cao nhận thức tự giác, chủ động ứng phó | Toàn xã | * Thông qua hệ thống loa truyền thanh, xây dựng các buổi phát thanh tuyên truyền hướng dẫn về PCTT * Thông qua các tổ chức đoàn thể, xã hội tuyên truyền PCTT/BĐKH trong các buổi sinh hoạt đoàn viên, hội viên | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Thường xuyên theo dõi diễn biến của khí hậu thời tiết, nắm tình hình từ công tác truyền thông, thống kê lịch sử thiên tai từ đó rút ra xu hướng thiên tai để kịp thời phòng tránh. | Toàn xã | * Làm thay đổi nhận thức của người dân để thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết trên truyền hình * Qua kênh điện thoại di động cung cấp thông tin cảnh báo thiên tai cho các trưởng ấp và người dân | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Nước sạch, vệ sinh và môi trường** | **Giải pháp công trình:**  Hỗ trợ vốn xây dựng giếng khoan, xây dựng nhà vệ sinh | Toàn xã | * Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về ý thức bảo vệ môi trường sống * Vận động các tổ chức xã hội hỗ trợ nguồn kinh phí * Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người dân vay tiền để xây dựng nhà vệ sinh. * Xã hội hóa hệ thống cung cấp nước sạch cho người dân | X  X  X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Quy hoạch bãi xử lý rác | Toàn xã | * Tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường cho người dân * Huy động nguồn vốn để tổ chức điểm tập kết và xử lý rác tập trung * Có biện pháp xử lý rác thải hợp vệ sinh | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | **Giải pháp phi công trình:**  Cơ sở sản xuất tôm, cua giống phải có bồn xử lý nước thải | Toàn xã | * Tăng cường công tác kiểm tra, xử phạt các trường hợp gây ô nhiễm môi trường * Tuyên truyền, hướng dẫn bảo vệ môi trường | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, dọn dẹp vệ sinh khu vực nhà ở, đốt rác, làm cỏ | Toàn xã | * Các tổ chức Hội, đoàn thể tuyên truyền cho đoàn viên và hội viên của mình | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Hướng dẫn cách xử lý phân loại rác | Toàn xã | * Tập huấn cho lực lượng cộng tác viên để hướng dẫn cho người dân * Tuyên truyền bằng tờ rơi hướng dẫn cho người dân cách phân loại và xử lý rác tại gia đình | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Kêu gọi đầu tư xây dựng đài nước | Toàn xã | * Thực hiện chính sách khuyến khích tư nhân đầu tư vốn | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tuyên truyền cách nhận biết các loại dịch bệnh thường gặp ở trẻ em. | Toàn xã | * Hội Liên hiệp phụ nữ phối hợp Y tế thường xuyên hướng dẫn cách phòng và trị các loại bệnh thường gặp tại nhà * Tập huấn cho lực lượng cộng tác viên để hướng dẫn thường xuyên cho người dân | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Y tế và quản lý dịch bệnh** | **Giải pháp công trình:**  Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa trang bị thiết bị cho cơ sở y tế xã | Toàn xã | * Đầu tư nâng cấp cơ sở y tế đảm bảo phục vụ điều trị bệnh do bệnh viện ở xa * Vận động kêu gọi sự đóng góp hỗ trợ của các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tăng cường lắp đặt hệ thống loa truyền thanh phủ khắp toàn xã | Toàn xã | * Tăng cường vận động, kêu gọi để trang bị hệ thống loa truyền thanh * Sử dụng hệ thống loa truyền thanh để tuyên truyền, hướng dẫn phòng trị bệnh | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tăng cường tổ chức các cụm, điểm pano tuyên truyền | Toàn xã | * Làm các bảng pano tuyên truyền hướng dẫn phòng bệnh, bảo vệ môi trường tại các cụm dân cư * Trạm Y tế liên hệ với Trung tâm Y tế dự phòng để làm các pano và xin tờ rơi tuyên truyền | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | **Giải pháp phi công trình:**  Y tế đưa chương trình phát thanh hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho cộng đồng | Toàn xã | * Y tế xã xây dựng các tài liệu phối hợp đài truyền thanh xã để tuyên truyền hướng dẫn | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tập huấn kiến thức phòng ngừa dịch bệnh cho người dân | Toàn xã | * Hội Liên hiệp phụ nữ phối hợp Y tế thường xuyên hướng dẫn cách phòng và trị các loại bệnh thường gặp tại nhà * Tập huấn cho lực lượng cộng tác viên để hướng dẫn thường xuyên cho người dân | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Giáo dục** | Nâng cấp các trường học bị xuống cấp | Toàn xã | * Sử dụng quỹ sự nghiệp để nâng cấp sửa chữa trường học bị xuông cấp | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Rừng** | **Giải pháp phi công trình:**  Người dân tăng cường thâm canh bằng việc mua thêm giống cá, tôm, cua thả vào | Toàn xã | * Thường xuyên kiểm tra rừng và vuông để thâm canh * Thành lập các HTX sản xuất để có biện pháp thực hiện phù hợp | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Thường xuyên chăm sóc vuông và kịp thời chặt tỉa cành tránh gãy đổ trước thiên tai | Toàn xã | * Thành lập các HTX sản xuất để có biện pháp thực hiện phù hợp * Chặt tỉa đồng thời có biện pháp thu gom để xử lý | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Nhà nước có chính sách khuyến khích người dân tổ chức hợp tác trong sản xuất và chăn nuôi | Toàn xã | * Thành lập các HTX sản xuất để có biện pháp thực hiện phù hợp * Vận động người dân tham gia và thành lập các HTX sản xuất | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Nghiên cứu mô hình nâng cao giá trị kinh tế của cây đước | Toàn xã | * Phát huy các cơ sở làm đủa và tiểu thủ công bằng vật liệu gỗ đước * Kết hợp tìm đầu ra cho cây đước làm than | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Trồng trọt** | Phát triển các mô hình trồng hoa màu để phục vụ cho bửa ăn gia đình và thành hàng hóa | Toàn xã | * Mời cán bộ nông nghiệp phổ biến các mô hình trồng hoa màu * Hỗ trợ, cung cấp giống, phân bón cho người dân | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Chăn nuôi** | Xây dựng chuồng trại để chăn nuôi để tránh ô nhiễm môi trường | Toàn xã | * Có biện pháp xử phạt các trường hợp gây ô nhiễm môi trường * Sử dụng cây đước, vật liệu của địa phương | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Thủy sản** | **Giải pháp phi công trình:**  Kiểm tra thường xuyên bờ bao, chủ động gia cố, đắp đất cao chống ngập | Toàn xã | * Người dân chủ động hợp tác và xin phép BQL rừng để gia cố bờ bao bằng cơ giới | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở người dân chăm sóc rừng và vuông tôm | Toàn xã | * Thành lập các tổ hợp tác, HTX để sản xuất * Có lịch thường xuyên chăm sóc | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | **Giải pháp công trình:**  Xây dựng đê ngăn triều cường ở những vị trí trọng yếu dễ bị vỡ khi xảy ra triều cường | Toàn xã | * Rà soát và các điểm trọng yếu để phối hợp quy hoạch các công trình có sự giúp đỡ của cấp trên và các ngành liên quan | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Gia cố bờ bao không để nước tràn vào vuông gây ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi | Toàn xã | * Mỗi hộ tự gia cố nâng cao bờ bao trước thiên tai * Huy động phương tiện cơ giới để phối hợp thực hiện giữa các hộ với nhau | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Trồng nhiều rừng chống xối mòn, sạt lỡ, gia cố bờ bao | Toàn xã | * Phát huy các mô hình trồng rừng tốt * Tìm nguồn đầu ra có giá trị cao cho cây đước | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Du lịch** | Không có | Toàn xã |  |  |  |  |
| **Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác** | Quy hoạch xây dựng chợ để tập trung mua bán | Toàn xã | * Phối hợp với phòng kinh tế hạ tầng của huyện để quy hoạch xây dựng chợ xã * Vận động người dân tham gia đóng góp nguồn lực | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Nâng cao nền nhà và làm kệ kê đồ đạc hàng hóa lên cao | Toàn xã | * Người dân tự sử dụng vật liệu để nâng nền nhà, kê kích đồ đạc hàng hóa lên cao trước khi nước triều dâng | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm** | Vận động các tổ chức và người dân để lắp đặt hệ thống loa truyền thanh khắp các ấp | Toàn xã | * Sử dụng nguồn kinh phí dự phòng và Quỹ phòng chống thiên tai của xã để thực hiện * Giao cho các trưởng ấp chịu trách nhiệm bảo quản, kiểm tra thường xuyên | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng | Toàn xã | * Phân công người chịu trách nhiệm phát hiện các loa bị hư hỏng báo cáo kịp thời để sửa chữa * Sử dụng nguồn kinh phí dự phòng và Quỹ phòng chống thiên tai của xã để thực hiện | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Vận động các hộ gia đình có tàu đánh bắt xa bờ trang bị hệ thống thông tin cảnh báo | Toàn xã | * Vận động các tổ chức hảo tâm, hộ gia đình trang bị thiết bị thông tin liên lạc * Kiểm tra việc thực hiện trang bị thường xuyên. | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác truyền thông về phòng chống thiên tai và BĐKH | Toàn xã | * Căn cứ vào tài liệu Quản lý RRTT DVCĐ để biên soạn các tờ rơi, hướng dẫn cho người dân về PCTT/BĐKH * Phổ biến các mô hình thích ứng BĐKH đã được thực hiện | X | x | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Phòng chống thiên tai và TƯBĐKH** | Xây dựng quy chế hoạt động của BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn | Toàn xã | * Họp BCH PCTT để xây dựng quy chế hoạt động * Phố biến quy chế hoạt động đến tất cả các thành viên | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Rà soát và thực hiện tốt 4 tại chỗ | Toàn xã | * Phân công cụ thể cho từng thành viên trong BCH PCTT TKCN xã * Các tổ chức đoàn thể rà soát lại nguồn lực để sẵn sàng tham gia ứng phó khi có thiên tai * Vận động sẵn trong cộng đồng các phương tiện, hàng hóa để sẵn sàng cứu trợ, ứng phó thiên tai. | X  X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Tăng cường tập huấn kiến thức về PCTT cho cán bộ và người dân | Toàn xã | * Nhóm HTKT chia sẻ những kiến thức học được để hướng dân cho cộng đồng * Phát triển các tài liệu, tờ rơi hướng dẫn người dân phòng chống Trước, trong và sau thiên tai | X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| **Lĩnh vực Bình đẳng Giới (\*\*\*)** | Tổ chức các mô hình sản xuất để giữ lực lượng trẻ tại địa phương | Toàn xã | * Xây dựng các tổ đoàn kết, hợp tác trong sản xuất * Tìm kiếm, phát huy các mô hình tốt trong chăn nuôi, trồng trọt để huy động lực lượng trẻ tham gia * Tổ chức các lớp dạy nghề cho thanh niên | X  X  x |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Nâng cao vai trò lãnh đạo của nữ giới trong công tác PCTT chưa được chú trọng | Toàn xã | * Chú ý vai trò giới trong các hoạt động PCTT phù hợp với năng lực * Hội LHPN tăng cường công tác truyền thông vận động hội viên tham gia lực lượng Tình nguyện PCTT | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
|  | Cần cân bằng giới trong hoạt động phòng ngừa và ứng phó thiên tai và BĐKH | Toàn xã | * Các tổ chức đoàn thể nâng cao công tác tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên tham gia các hoạt động PCTT/BĐKH * Xây dựng tài liệu tuyên truyền và hướng dẫn PCTT cho hộ gia đình | X |  | Ngân sách nhà nước  Vận động đóng góp |
| ***Lưu ý khác*** | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền:***  (\*) Dựa trên kết quả của bảng D1. Không nhất thiết phải đưa vào báo cáo nếu không phải là vấn đề ưu tiên của cộng đồng  (\*\*) Cho cả khía cạnh vật chất, tổ chức thể chế xã hội và nhận thức kinh nghiệm  (\*\*\*) Bắt buộc phải đưa vào phân tích  (\*\*\*\*)Tóm tắt các đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan để có sự hỗ trợ và hợp tác cụ thể) | | | | | | |

1. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

* Vấn đề ô nhiễm môi trường cần được lưu ý vì sau mỗi lần nước triều lên mang theo rác thải và các mầm bệnh
* Bệnh tiêu chảy và tay chân miệng thường xãy ra trong xã

1. Một số ý kiến kết luận của đại diện HĐND xã:

* Yêu cầu nhóm HTKT sớm hoàn thành báo cáo theo đề xuất của Tư vấn và Tập huấn viên để làm cơ sở cho Ban Quản lý dự án tỉnh đề xuất các dự án về nhà ở an toàn và trồng rừng cho địa phương.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã**

**TM UBND Xã**

**(đã ký)**

# **Phụ lục**

## **Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **DANH SÁCH THAM GIA TẬP HUẤN VÀ ĐÁNH GIÁ**  **TẠI XÃ VIÊN AN, HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU** | | | | | | | |
| ***Ngày 6/10-9/10; 14-17/10/2018*** | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ/Đơn vị** | **Số điện thoại** | **Ngày đầu 6/10** | | **Tập Huấn 7/10-9/10** | **Đánh giá (16-19/10)** |
| **Nam** | **Nữ** |
| 1 | Thái Thị Kim Dung | PCT.UBND xã | 0945822448 |  | x | x | x |
| 2 | Ngô Bích Mỵ | PCT HLHPN xã | 0916020635 |  | x | x | x |
| 3 | Diệp Thị Chót |  | 0912936812 |  | x | x | x |
| 4 | Võ Kim Khoa | CC Văn hóa- xã hội |  |  | x | x | x |
| 5 | Phan Văn Chờ |  |  | x |  | x |  |
| 6 | Trần Chí Nguyện | CC Văn Phòng- Thống kê | 0912026237 | x |  | x |  |
| 7 | Tiêu Kiều Trang |  | 0916051489 |  | x | x | x |
| 8 | Võ Hoàng Đang | CHP.BCHQS xã | 0976712778 | x |  | x | x |
| 9 | Mai Hoài Lĩnh | DQTVTT xã | 0919651105 | x |  | x | x |
| 10 | Trần Trường Giang | DQTVTT xã | 0916608627 | x |  | x |  |
| 11 | Nguyễn An Lâm |  | 0919743097 | x |  | x |  |
| 12 | Lê Ngọc Bích |  |  |  | x | x | x |
| 13 | Nguyễn Trọng Hiếu | CC Văn Phòng- Thống kê |  | x |  | x |  |
| 14 | Huỳnh Thanh Nhân | Công An Viên |  | x |  | x | x |
| 15 | Tô Văn Sịn |  |  | x |  | x | x |
| 16 | Tăng Hoàng Lanh |  | 0919740220 | x |  |  |  |
| 17 | Cao Thái Hải |  | 01255698586 | x |  |  |  |
| 18 | Nguyễn Thanh Phong |  | 0919078534 | x |  |  |  |
| 19 | Mai Hoài Thơm |  | 0915756076 | x |  |  |  |
| 20 | Diệp Ngọc Ẩn |  | 0919905084 | x |  |  |  |
| 21 | Đỗ Minh Sang |  | 0947704495 | x |  |  |  |
| 22 | Nguyễn Thị Hồng |  |  |  | x |  |  |
| 23 | Lê Thị Út Hiền |  |  |  | x |  |  |
| 24 | Tạ Thị Tấm |  |  |  | x |  |  |
| 25 | Đặng Thị Sáng |  |  |  | x |  |  |
| 26 | Nguyễn Ngọc Điệp |  |  |  | x |  |  |
| 27 | Nguyễn Thúy Liễu |  |  |  | x |  |  |
| 28 | Huỳnh Ngọc Đẹp |  |  |  | x |  |  |
| **Tổng số** | | | | **15** | **13** | **15** | **10** |
| **TỔNG SỐ** | | | | **28** | | **15** |  |
| Tỷ lệ nữ trong nhóm HTKT | | | | 40%(6/15) | | | |
| Tỷ lệ nữ trong nhóm Cộng đồng | | | | 47%(7/15) | | | |
| Tỷ lệ phụ nữ trong nhóm CBDRM là lãnh đạo | | | | 7%(1/15) | | | |
| Tỷ lệ hội viên hội phụ nữ trong nhóm CBDRM | | | | 100% | | | |
| Tổng số người dân tham gia hỗ trợ thu thập thông tin | | | | 130 | | | |
| Tỷ lệ người dân là nữ tham gia hỗ trợ thu thập thông tin (34/130) | | | | 26% (34/130) | | | |

## **Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn**



**BẢNG XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI**

**--------------------------------**

**Xã: Viên An – huyện Ngọc Hiển – tỉnh Cà Mau**

**Tiêu chí xếp hạng:**

* Tần suất xuất hiện nhiều
* Phạm vi tác động rộng
* Mức độ thiệt hại lớn

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Rủi ro thiên tai** | **Điểm xếp hạng Nhóm HTKT** | | | **Thứ tự xếp hạng** | **Nhóm cộng đồng**  **Cụm 1** | | | **Thứ tự xếp hạng** | **Nhóm cộng đồng**  **Cụm 2** | | | **Thứ tự xếp hạng** | **TỔNG CỘNG** | **Xếp hạng chung xã** |
| **Nam**  **10** | **Nữ**  **5** | **Tổng**  **15** | **Nam**  **19** | **Nữ**  **2** | **Tổng**  **18** | **Nam**  **18** | **Nữ**  **12** | **Tổng**  **37** |
| **Nhóm Rủi ro : An toàn cộng đồng:** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1** | Tràn bở do nước dâng | 14 | 8 | 22 | 5 | 64 | 5 | 69 | 2 | 51 | 29 | 83 | 1 | 174 | **1** |
| **2** | Giao thông đi lại khó khăn | 30 | 15 | 45 | 1 | 52 | 0 | 52 | 3 | 42 | 14 | 56 | 4 | 153 | **3** |
| **3** | Nhà sập, tốc mái, ngập | 15 | 8 | 23 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 19 | 17 | 36 | 7 | 59 | **7** |
| **4** | Thiệt hại, hư hao tài sản | 10 | 6 | 16 | 7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 13 | 17 | 30 | 8 | 46 | **11** |
| **5** | Người bị thương | 2 | 0 | 2 | 18 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | **21** |
| **6** | Mất điện | 3 | 5 | 8 | 15 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 17 | 22 | 10 | 30 | **14** |
| **Nhóm Rủi ro: Y tế/sức khỏe/vệ sinh/nước sạch/môi trường:** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **7** | Ô nhiễm nguồn nước | 0 | 10 | 10 | 12 | 29 | 5 | 34 | 4 | 16 | 30 | 46 | 6 | 90 | **5** |
| **8** | Dịch bệnh | 30 | 0 | 30 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 6 | 15 | 21 | 11 | 51 | **9** |
| **9** | Thiếu nước sạch phục vụ sinh hoạt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9 | 16 | 25 | 9 | 25 | **15** |
| **Nhóm Rủi ro: Sản xuất/kinh doanh:** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **10** | Tôm chết do nguồn nước ô nhiễm | 10 | 10 | 20 | 6 | 69 | 7 | 76 | 1 | 42 | 31 | 73 | 2 | 169 | **2** |
| **11** | Hoa màu bị thiệt hại | 12 | 4 | 16 | 8 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7 | 12 | 19 | 13 | 35 | **13** |
| **12** | Dịch bệnh gia súc gia cầm | 7 | 3 | 10 | 14 | 5 | 4 | 9 | 10 | 2 | 14 | 16 | 15 | 35 | **12** |
| **13** | Đất nhiễm phèn, nhiễm mặn | 10 | 3 | 13 | 9 | 21 | 5 | 26 | 6 | 7 | 12 | 19 | 14 | 58 | **8** |
| **14** | Cây rừng gãy đỗ | 6 | 1 | 7 | 16 | 2 | 0 | 2 | 13 | 6 | 4 | 10 | 18 | 19 | **19** |
| **15** | Hư hại phương tiện sản xuất | 0 | 0 | 0 | 19 | 9 | 0 | 9 | 9 | 1 | 10 | 11 | 17 | 20 | **18** |
| **16** | Trường học bị hư sập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 7 | 9 | 20 | 9 | **20** |
| **Nhóm Rủi ro: Công trình PCTT, Cơ sở hạ tầng, Hệ thống thông tin cảnh báo** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **17** | Gãy đỗ cột điện | 9 | 1 | 10 | 13 | 5 | 0 | 5 | 11 | 3 | 7 | 10 | 19 | 25 | **16** |
| **18** | Lộ giao thông bị hư lở | 10 | 1 | 11 | 10 | 9 | 2 | 11 | 8 | 43 | 21 | 64 | 3 | 86 | **6** |
| **19** | Hư lở bờ vuông tôm của người dân | 13 | 11 | 24 | 3 | 21 | 6 | 27 | 5 | 33 | 15 | 48 | 5 | 99 | **4** |
| **Nhóm Rủi ro: Giới trong công tác PCTT** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **20** | Dịch vụ sức khỏe sinh sản không được đảm bảo | 5 | 6 | 11 | 11 | 19 | 2 | 21 | 7 | 5 | 14 | 19 | 12 | 51 | **10** |
| **21** | Các điều kiện sinh hoạt cho phụ nữ thiếu | 3 | 3 | 6 | 17 | 0 | 2 | 2 | 17 | 3 | 11 | 14 | 16 | 22 | **17** |

Cụm 1: Bà Khuê, Cây Me, Nguyễn Quyền, Ông Trang, So Đủa, Vịnh Nước Sôi, Vịnh Nước Sôi A, Ông Bọng

Cụm 2: Ông Trang A, Xóm Biển, Trại Xẻo, Cồn Cát, Sắc Cò, Ông Linh, Tắc Gốc, Xẻo Nấm

**CÔNG CỤ LỊCH MÙA VỤ**

**Xã Viên An - Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau**

Tổng số người tham gia: 15 Nam: 06 Nữ: 09

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thiên tai** | Tháng (Dương lịch) | | | | | | | | | | | | **Đặc điểm - xu hướng thiên tai**  **(Loại TT, tần suất, cường độ, phạm vi, nguy cơ thiệt hại,…)** | | |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
| **Bão, Áp thấp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | * Ít xãy ra Bão; Chỉ xãy ra năm 1997 (3/10/1997 Bão Linda số 5) Bão cấp 12 giật trên cấp 12; 13 giờ chiều và khoảng 7 giờ bị tiếp đuôi bão * Ảnh hưởng toàn xã, nhà ven biển sập hoàn toàn * 2017 có cảnh báo nhưng không vào, người dân được tổ chức sơ tán về trụ sở UBND xã và nhà kiên cố ở các ấp | | |
| **Nước dâng do triều cường** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | * Thủy triều dâng thường vào ban đêm; nước dâng cao và lâu rút, cao từ 0,7 đến 0,8 mét; xãy ra thường năm và kéo dài khoảng 30 phút mời rút hết * Tràn bờ, bể bờ vuông gây thất thoát tôm cá; ngập ướt đồ đạt; đường xá ngập đường huyện, và quốc lộ cũng bị ngập; nước ngập năm sau cao hơn năm trước; một số ít nhà ở của dân bị ngập * Giao thông đi lại, học sinh đi học khó khăn, | | |
| **Lốc xoáy** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | * (Năm 2018: Bà Khuê, Trại xẻo, Vịnh nước sôi, Kinh 5, Ông Bọng, Nguyễn Quyền) các ấp ven biển * Giao mùa từ nắng sang mưa và xãy ra thường năm theo áp thấp nhiệt đới * Gây tốc mái nhà, sập nhà, có cơn làm tốc nhà xây nhưng kê cột, tường | | |
| ***Lịch hoạt động kinh tế/xã hội*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** | ***Các Rủi ro thiệt hại do với thiên tai***  (RRTT) | ***Tại sao bị các rủi ro thiệt hại***  (TTDBTT) | ***Kinh nghiệm phòng chống***  (NLPCTT) |
| Nuôi tôm, cua |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | * Nước dâng làm bể đập, tràn bờ, thất thoát tôm, cá * Nguồn nước bị nhiễm bẩn, bị xì phèn làm chết tôm, cá * Tôm bị dịch bệnh | * Chủ quan, không gia cố bờ bao, * Giống không được đảm bảo mua trôi nổi, thích rẻ, không có kiểm soát * Trại giống tư nhân có trên xã nhưng không được kiểm soát | * > 90 % trồng rừng và nuôi tôm * Vai trò sản xuất của nam và nữ đều như nhau, đối với lực lượng trẻ tuổi từ 18 – 30 nam đều đi làm thuê nơi khác * Trồng rừng theo kết hợp 7/3 (diện tích 7 rừng, 3 tôm) * c |
| Đánh bắt thủy sản ven bờ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | * Chìm xuống do dông lốc có trường hợp chết người (1997) * Không ổn định thu nhập | * Chủ quan, tiếc của * Không có nghề khác do không chịu học nghề * Chỉ thấy lợi trước mắt | * Thả lưới, đẩy te để bắt cá, cua con * Địa phương có th]ổ chức dạy nghề để chuyển đổi |
| Trồng rừng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | * Gãy đổ do Bão, dông lốc * Chặt đốn trộm cây | * Chặt phá trộm | * Chỉ được 12 năm mới được khai thác sau khai thác được ngành nông nghiệp cung cấp giống để trồng lại * Nhà nước khuyến khích chính sách bảo vệ rừng giao cho dân để trồng rừng, nuôi tôm * Thu nhập cao từ khai thác rừng nên có ý thức bảo vệ tốt |

## **Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá**





Tập huấn ngày thứ nhất



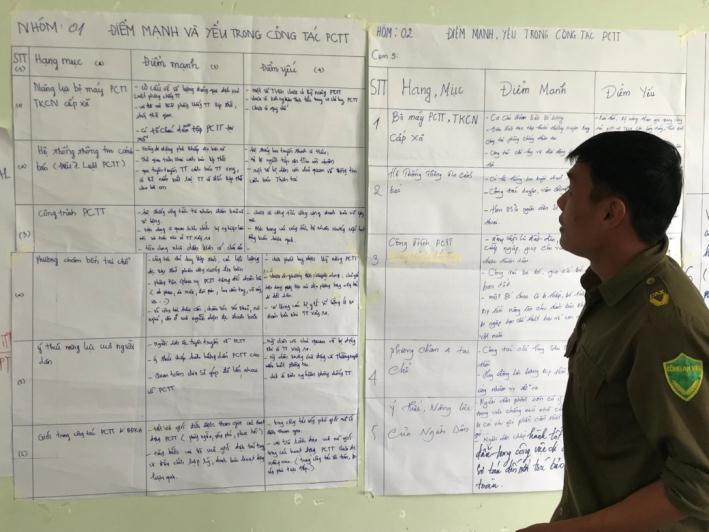


Tập huấn cho Nhóm HTKT









Xếp hạng các rủi ro

****

****

**Báo cáo kết quả với lãnh đạo địa phương**

****

****

****

****

**Bà Thái Thị Kim Dung phó chủ tịch UBND xã**

**trưởng nhóm HTKT báo cáo kết quả đánh giá rủi ro**

1. Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT [↑](#footnote-ref-1)
2. Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê [↑](#footnote-ref-2)